



Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank

Tài liệu Đại hội NĐT thường niên Quỹ VCBF-BCF, VCBF-TBF và VCBF-FIF ngày 15/4/2021

(Lưu ý: Tài liệu này (và các văn bản liên quan đến ĐHNĐT khác) có thể được cập nhật (trên website VCBF) để trình Đại hội Nhà đầu tư xem xét quyết định tại cuộc họp)

**TÀI LIỆU ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN**  
**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU HÀNG ĐẦU VCBF**  
**QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG CHIẾN LƯỢC VCBF**  
**QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VCBF**  
**NGÀY 15 THÁNG 04 NĂM 2021**

**MỤC LỤC**

|                                                                                                 | Page |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| I. THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH, BAN THƯ KÝ VÀ BAN KIỂM PHIẾU CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ .....            | 5    |
| II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ TRONG NĂM 2020.....                                     | 6    |
| 1A) VCBF-BCF .....                                                                              | 6    |
| 1B) VCBF-FIF .....                                                                              | 10   |
| 1C) VCBF-TBF .....                                                                              | 11   |
| 2 Kinh tế vĩ mô và Thị trường Chứng khoán Năm 2020. Nhận định của Công ty Quản lý Quỹ.....      | 15   |
| 3 Hoạt động của nhà đầu tư trong năm 2020 .....                                                 | 20   |
| 4 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho giai đoạn từ 1 tháng 1 đến 31 tháng 12 năm 2020 ..... | 21   |
| 5 Cập nhật tình hình hoạt động của các Quỹ từ ngày 1 tháng 1 đến 31 tháng 3 năm 2021.....       | 34   |
| III. BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT .....                                                       | 36   |
| 1) VCBF-BCF .....                                                                               | 36   |
| 2) VCBF-TBF.....                                                                                | 38   |
| 3) VCBF-FIF .....                                                                               | 39   |
| IV. BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ NĂM 2020 .....                                                 | 40   |
| 1) VCBF-BCF .....                                                                               | 40   |
| 2) VCBF-TBF.....                                                                                | 40   |
| 3) VCBF-FIF .....                                                                               | 42   |
| VI. THAY ĐỔI NỘI DUNG CỦA ĐIỀU LỆ QUỸ .....                                                     | 44   |
| V. ỦY QUYỀN CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ CHO BAN ĐẠI DIỆN QUỸ .....                                   | 44   |
| VII. NHÀ ĐẦU TƯ ĐẶT CÂU HỎI VÀ NHẬN CÂU TRẢ LỜI .....                                           | 45   |
| VIII. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHNĐT .....                                          | 46   |

*Lưu ý:* Tất cả tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng Đô la Mỹ được sử dụng trong tài liệu này được tính theo tỷ giá bán ra của Vietcombank tại ngày 25 tháng 3 năm 2021, 1 USD = 23.170 VND, trừ khi có chỉ định khác.

### **Bảng từ viết tắt**

|                |                                                                                                                 |
|----------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| BĐDQ           | Ban đại diện Quỹ                                                                                                |
| bp             | điểm cơ bản, hoặc 1/100 của 1%                                                                                  |
| CPI            | Chỉ số Giá tiêu dùng                                                                                            |
| ĐHNĐT          | Đại hội Nhà đầu tư thường niên ( của quỹ mở )                                                                   |
| Điều khoản     | Điều khoản Quỹ                                                                                                  |
| Điều lệ        | Điều lệ Quỹ                                                                                                     |
| Đơn vị quản lý | VCBF, đơn vị quản lý các quỹ mở                                                                                 |
| FDI            | Đầu tư trực tiếp từ nước ngoài                                                                                  |
| GDP            | Tổng Sản phẩm quốc nội                                                                                          |
| GSO            | Tổng cục thống kê                                                                                               |
| H              | nửa năm                                                                                                         |
| HNX            | Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội                                                                                 |
| HSX            | Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh                                                                  |
| m-o-m          | so với cùng kỳ tháng trước                                                                                      |
| NAV            | Giá trị tài sản ròng                                                                                            |
| NHNN           | Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam                                                                                     |
| no.            | số                                                                                                              |
| OEF            | Quỹ mở                                                                                                          |
| Q              | Quý                                                                                                             |
| q-o-q          | so với cùng kỳ quý trước                                                                                        |
| Quỹ ( các Quỹ) | Quỹ đầu tư Cổ phiếu hàng đầu, Quỹ đầu tư Cân bằng chiến lược và / hoặc Quỹ đầu tư Trái phiếu tùy thuộc ngữ cảnh |
| SIP            | Chương trình đầu tư định kỳ                                                                                     |
| TGD            | Tổng Giám đốc                                                                                                   |
| Thông tư 98    | Thông tư 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán ngày 16/11/2020                |
| UBCKNN         | Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước                                                                                     |
| VCBF-BCF       | Quỹ đầu tư Cổ phiếu hàng đầu VCBF                                                                               |
| VCBF-TBF       | Quỹ đầu tư Cân bằng chiến lược VCBF                                                                             |
| VCBF-FIF       | Quỹ đầu tư Trái phiếu VCBF                                                                                      |
| VCBS           | Công ty TNHH Chứng khoán ngân hàng TMCP Ngoại thương                                                            |
| VNI            | Chỉ số của Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh                                                       |
| y-o-y          | so với cùng kỳ năm trước                                                                                        |

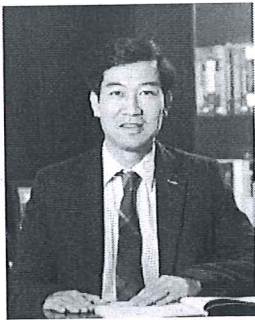




Global Knowledge. Local Expertise

## THƯ NGỎ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Hà Nội, tháng 3 năm 2021



Kính gửi Quý Nhà đầu tư,

2020 rõ ràng là năm có nhiều biến động nhất trong nhiều thập kỷ qua. Hầu hết các nước trên thế giới đều phải chống chọi với đại dịch Covid-19, mà đến nay vẫn chưa được kiểm soát hoàn toàn. Chúng ta đã rất may mắn vì Chính phủ, với những giải pháp quyết liệt, đồng bộ và nhanh chóng, cùng với sự đồng thuận từ người dân, đã giúp Việt Nam kiểm soát được đại dịch. Nhờ đó, nền kinh tế Việt Nam vẫn đạt được tăng trưởng dương trong năm và đây thực sự là một thành công vượt trội, được cộng đồng quốc tế đánh giá cao. Khu vực y tế công đã vận hành rất tốt trong thời gian này, và mặc dù nền kinh tế Việt Nam cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng ở một số lĩnh vực, đặc biệt là các ngành liên quan đến du lịch, việc kiểm soát tốt đại dịch đã giúp giảm thiểu các chi phí cứu trợ và do đó giảm áp lực lên ngân sách nhà nước.

Vào thời điểm này năm trước, thị trường chứng khoán lao dốc xuống mức thấp nhất kể từ năm 2017 khi bất ổn gia tăng và chúng ta phải đối mặt với nhiều rủi ro chưa lường trước được. Khả năng chống chọi tốt của nền kinh tế, được hỗ trợ từ khu vực sản xuất, xuất khẩu và nhiều ngành khác nhau cũng như chính sách tiền tệ và tài khóa mở rộng, đã giúp thị trường chứng khoán hồi phục mạnh cho đến nay, khi chỉ số VN-Index đang dao động quanh mức lịch sử 1.200 điểm, mức cao nhất mọi thời đại mà chỉ số VN-Index đã không thể vượt qua ba năm trước đây. Nhiều nhà đầu tư đã quay trở lại khi họ nhận thấy được tiềm năng tăng trưởng của thị trường và từ đó giúp thị trường củng cố xu hướng tăng. Mặc dù chúng tôi có quan ngại về rủi ro bong bóng tài sản nếu thị trường chứng khoán tiếp tục tăng mạnh, chúng tôi tin rằng triển vọng kinh tế và lợi nhuận doanh nghiệp tích cực trong năm 2021 trong mối tương quan mức định giá hiện tại của thị trường sẽ giúp củng cố tâm lý của nhà đầu tư.

Hai quỹ có đầu tư vào cổ phiếu của chúng tôi, VCBF-BCF và VCBF-TBF, đạt kết quả tốt khi thị trường tăng trưởng trong nửa cuối năm 2020. Trước đó, trong nửa đầu năm, chúng tôi đã tiến hành cơ cấu danh mục theo hướng thận trọng và tăng tỷ trọng nắm giữ tiền. Vị thế này cho phép chúng tôi giải ngân vào các cổ phiếu tốt khi các điều kiện kinh tế xã hội được cải thiện và khi các rủi ro và bất ổn giảm bớt. Quỹ đầu tư trái phiếu, VCBF-FIF, không bị tác động trực tiếp bởi sự biến động trên thị trường chứng khoán và do đó đạt tăng trưởng tốt về quy mô khi nhiều nhà đầu tư tìm kiếm các nguồn thu nhập ổn định và hấp dẫn khi lãi suất giảm.

Chúng tôi tiếp tục kỳ vọng lợi nhuận các quỹ sẽ tiếp tục khả quan trong năm 2021. Nền kinh tế Việt Nam đang hồi phục tốt. Khu vực sản xuất và xuất khẩu tiếp tục duy trì đà tăng trưởng và sẽ được hỗ trợ hơn nữa từ sự phục hồi của kinh tế toàn cầu cũng như việc gia tăng đầu tư của các doanh nghiệp, cả trong nước và nước ngoài. Nhu cầu trong nước vẫn tốt và tăng trưởng, chỉ số niềm tin người tiêu dùng đang ở mức tích cực và một số lĩnh vực của khu vực dịch vụ đang hồi phục khá quan. Các chương trình tiêm chủng vaccine Covid-19, cả ở Việt Nam và trên thế giới, sẽ giúp ngành du lịch từng bước hoạt động trở lại. Bên cạnh cơ hội, rủi ro dĩ nhiên cũng tồn tại. Các rủi ro mà chúng tôi sẽ giám sát chặt chẽ bao gồm khả năng các chính sách tiền tệ có thể

**Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank**

Tài liệu Đại hội NĐT thường niên Quỹ VCBF-BCF, VCBF-TBF và VCBF-FIF ngày 15/4/2021

(Lưu ý: Tài liệu này (và các văn bản liên quan đến ĐHNĐT khác) có thể được cập nhật (trên website VCBF) để trình Đại hội Nhà đầu tư xem xét quyết định tại cuộc họp)

được điều chỉnh theo hướng ít hỗ trợ hơn, các rủi ro địa-chính trị và dĩ nhiên là các rủi ro liên quan đến đại dịch. Tuy vậy, bức tranh tổng thể vẫn cho thấy một triển vọng tích cực cho các quỹ của chúng tôi và như thường lệ, chúng tôi sẽ tiếp tục quản lý một cách cẩn trọng để tạo ra lợi nhuận tốt cho các nhà đầu tư trong dài hạn.

Chúng tôi cảm ơn các quý nhà đầu tư đã tin tưởng và đầu tư cùng với Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ ĐTCK Vietcombank và mong muốn được tiếp tục phục vụ quý nhà đầu tư. Để biết thêm thông tin chi tiết về các quỹ, vui lòng truy cập trang web của chúng tôi tại [www.vcbf.com](http://www.vcbf.com).

Trân trọng,

Tiến Sĩ Vũ Quang Đông

Tổng Giám đốc



## **I. THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH, BAN THƯ KÝ VÀ BAN KIỂM PHIẾU CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ**

Theo Điều 20 (3) của Điều lệ Quỹ VCBF-BCF, Quỹ VCBF-TBF và Quỹ VCBF-FIF, Công ty Quản lý Quỹ triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên vào ngày 15 tháng 4 năm 2021 và chuẩn bị nội dung chương trình họp cho ĐHNĐT.

Nội dung cho chương trình ĐHNĐT như sau:

- I. Thông qua chương trình, Ban Thư ký và Ban Kiểm phiếu của Đại Hội Nhà Đầu Tư;
- II. Báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ tính đến ngày 31/12/2020 và cập nhật tình hình hoạt động của Quỹ tính đến ngày 31/3/2021;
- III. Báo cáo về hoạt động giám sát của Ngân hàng giám sát tính đến ngày 31/12/2020;
- IV. Báo cáo của Ban Đại Diện Quỹ năm 2020;
- V. Nghị quyết của ĐHNĐT về sửa đổi Điều lệ của Quỹ VCBF-BCF, VCBF-TBF và VCBF-FIF;
- VI. Nghị quyết của ĐHNĐT ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ, thông qua báo cáo tài chính;
- VII. Thời gian dành cho Nhà đầu tư đặt câu hỏi và nhận câu trả lời; và
- VIII. Thông qua Biên bản và Nghị quyết của ĐHNĐT.

Theo Điều 22 (1) của Điều lệ Quỹ, Chủ Tịch BDDQ – Ông Mạc Quang Huy sẽ chủ tọa Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Đại Hội Nhà Đầu Tư được yêu cầu thông qua những nghị quyết sau:

**RẰNG** thông qua Chương trình ĐHNĐT; và

**RẰNG** thông qua Ban Kiểm phiếu và Ban Thư ký của ĐHNĐT.

## II. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ TRONG NĂM 2020

### 1A) VCBF-BCF

#### THÔNG TIN QUỸ TẠI NGÀY 31/12/2020

**Tổng Giá trị Tài sản Ròng:**  
328.996.884.774 VNĐ

**Giá trị Tài sản Ròng/Đơn vị quỹ:** 21.350,65 VNĐ

**Số lượng Đơn vị quỹ:**  
15.409.213,95

**Ngày Thành lập:** 22/08/2014

**Ngày Giao dịch:** Thứ Tư hàng tuần

**Phí Mua (Tối đa):** 2%  
**Phí Quản lý (Tối đa):** 1,9%

#### LỢI NHUẬN THAM CHIẾU

Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ là tỷ suất lợi nhuận của chỉ số VN100

#### BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga,  
CFA

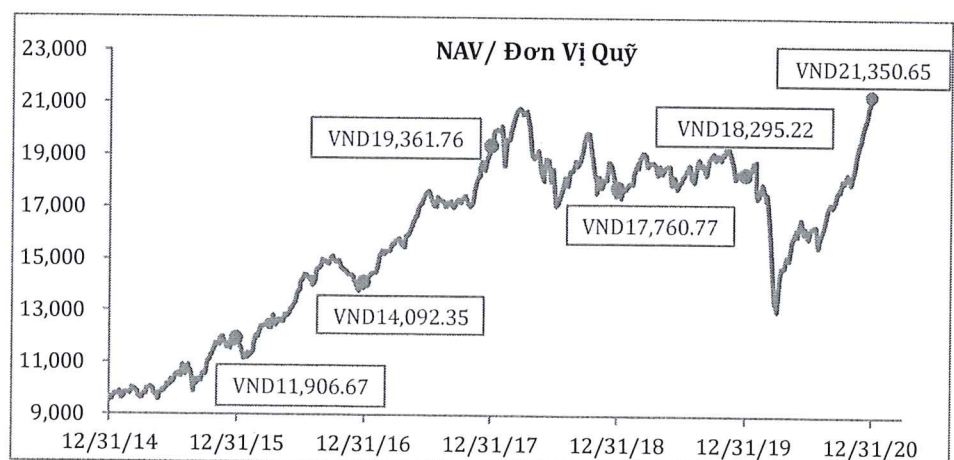
Bà Dương Kim Anh

#### QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU HÀNG ĐẦU VCBF (VCBF-BCF)

##### CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

- Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Hàng Đầu VCBF (VCBF-BCF) sẽ chủ yếu đầu tư vào một danh mục đa dạng các cổ phiếu niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên HSX và HNX. Cổ phiếu được xem là có vốn hóa thị trường lớn là những cổ phiếu có vốn hoá thị trường lớn hơn vốn hoá thị trường của cổ phiếu có vốn hóa lớn thứ 100 được niêm yết trên HSX.
- Quỹ sẽ kết hợp cả chiến lược đầu tư tăng trưởng và chiến lược đầu tư giá trị. Trong việc tìm kiếm các đặc tính tăng trưởng bền vững, VCBF đánh giá cơ hội thị trường trong dài hạn và tính cạnh tranh của từng ngành để nhắm đến các công ty đầu ngành và các công ty có triển vọng trở thành công ty đầu ngành. Trong việc đánh giá giá trị của công ty, VCBF sẽ xem xét liệu giá chứng khoán đã phản ánh đầy đủ mối tương quan giữa cơ hội tăng trưởng bền vững với rủi ro kinh doanh và rủi ro tài chính hay chưa.
- Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau. Tỷ trọng ngành trong danh mục đầu tư của Quỹ là kết quả của quy trình phân tích cơ bản công ty và vì vậy có thể khác với tỷ trọng ngành trong chỉ số tham chiếu.

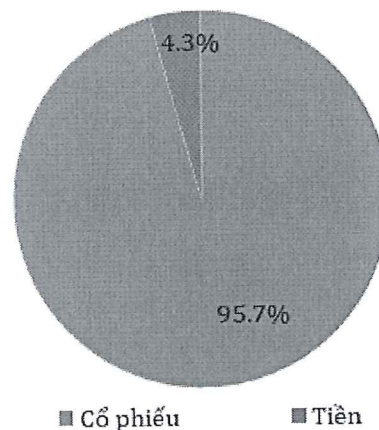
##### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ



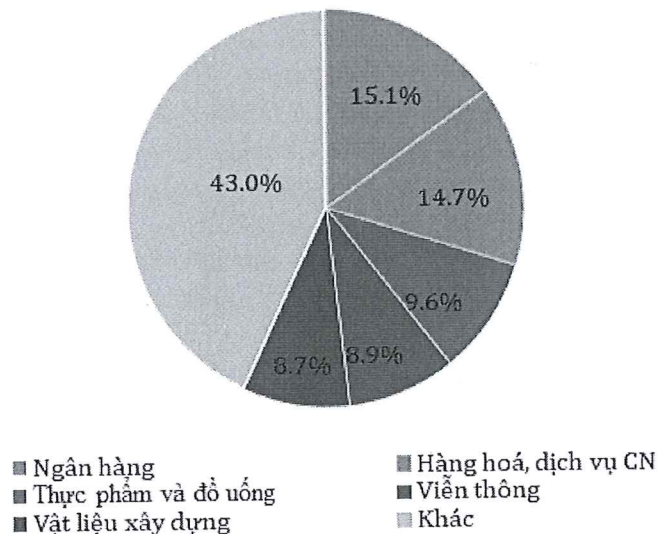


| Lợi nhuận (không bao gồm phí mua)    | Quỹ   | Lợi nhuận tham chiếu |
|--------------------------------------|-------|----------------------|
| Từ khi thành lập (lợi nhuận kép/năm) | 12,7% | 9,3%                 |
| 5 năm (lợi nhuận kép/năm)            | 12,4% | 12,4%                |
| 3 năm (lợi nhuận kép/năm)            | 3,3%  | 3,5%                 |
| Năm 2020                             | 16,7% | 21,6%                |

## PHÂN BỐ TÀI SẢN



## Top 5 ngành Quỹ VCBF-BCF



## TOP 5 CỔ PHIẾU ĐANG NẪM GIỮ

|                                                     | % NAV CỦA QUỸ |
|-----------------------------------------------------|---------------|
| NH Thương mại CP Quân đội (MBB)                     | 9,3%          |
| CTY CP FPT (FPT)                                    | 8,6%          |
| CTY CP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)                      | 7,0%          |
| CTY CP Sữa Việt Nam (VNM)                           | 6,1%          |
| Tổng CTY CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PVS) | 5,2%          |

Số liệu cập nhật ngày 31/12/2020



Trong năm 2020, quỹ VCBF-BCF đạt mức lợi nhuận 16,7%, thấp hơn 4,9% so với lợi nhuận của danh mục tham chiếu là VN100 nhưng tốt hơn mức tăng trưởng 14,9% của chỉ số VN-Index. Kể từ khi thành lập, Quỹ đạt mức tăng trưởng kép hàng năm là 12,7%, cao hơn 3,4% so với lợi nhuận hàng năm của danh mục tham chiếu. Và trong khi VN-Index vẫn đang nỗ lực vượt mức cao nhất mọi thời đại được thiết lập vào tháng 3/2018, giá đơn vị quỹ VCBF-BCF vào cuối năm 2020 đã vượt qua mức đỉnh thiết lập trong cùng thời gian này.

Các công ty đóng góp nhiều nhất vào lợi nhuận của Quỹ trong 2020 là những công ty mà Quỹ đầu tư với tỷ trọng cao hơn danh mục tham chiếu vì các công ty này có tình hình tài chính vững mạnh và có khả năng tạo ra kết quả kinh doanh tốt hơn trong năm 2020 cũng như trong dài hạn, bất chấp những khó khăn và bất ổn do đại dịch Covid-19 gây ra. Những công ty này bao gồm Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (HSX: HPG), Ngân hàng TMCP Quân đội (HSX: MBB), Công ty CP FPT (HSX: FPT), Ngân hàng TMCP Á Châu (HSX: ACB) và Công ty CP Nhựa Bình Minh (HSX: BMP).

Giá cổ phiếu HPG tăng mạnh đến 115,6% trong năm 2020 khi Khu liên hợp gang thép Dung Quất đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh năm 2020 và kỳ vọng sẽ tiếp tục gia tăng lợi nhuận trong những năm tới. Bên cạnh đó, Hòa Phát được hưởng lợi từ giá thép tăng khi nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng tăng mạnh cả trong nước và trên toàn cầu. Trong năm 2020, Hòa Phát ghi nhận lợi nhuận ròng kỷ lục, 13.438,5 tỷ đồng, tăng trưởng 78,7% so với cùng kỳ trong khi doanh thu đạt 90.118,5 tỷ đồng, tăng 41,6% so với năm trước. Cả năm, Hòa Phát cung cấp sản lượng thép xây dựng là 3,4 triệu tấn (tăng 22,5% so với năm 2019), sản lượng phôi thép là 1,8 triệu tấn và sản lượng thép cuộn cán nóng (HRC) là 686.000 tấn. Thị phần thép xây dựng của HPG năm 2020 đã được cải thiện đáng kể lên mức 32,5%, từ mức 26,2% trong năm 2019. Tăng trưởng cao được kỳ vọng cho năm 2021 với thị phần thép xây dựng được dự báo có thể đạt trên 37%. HPG đã vận hành lò cao (BOF) thứ tư tại Khu liên hợp gang thép Dung Quất vào tháng 1 năm 2021. Tại thời điểm cuối tháng 2 năm 2021, cổ phiếu HPG giao dịch ở mức P/E năm 2021 là 9,1 lần. Quỹ sẽ tiếp tục nắm giữ HPG vì tin rằng dưới sự dẫn dắt của ban lãnh đạo tài giỏi và giàu tâm huyết, công ty sẽ tiếp tục là công ty hàng đầu của ngành thép Việt Nam. Chúng tôi cũng tiếp tục tin tưởng vào tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận của công ty khi sản lượng thép xây dựng và HRC được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng trong những năm tới.

Giá cổ phiếu MBB tăng 27,2% trong năm 2020 với kỳ vọng về kết quả hoạt động kinh doanh tốt trong năm 2020 và trong dài hạn. Lợi nhuận trước thuế (LNTT) năm 2020 đạt 10.689 tỷ đồng, tăng 6,5% so với cùng kỳ. Tín dụng được đẩy mạnh vào cuối năm và đạt tăng trưởng 23,0% cho cả năm. Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) giảm từ 39,4% năm 2019 xuống 38,6%. Tỷ lệ nợ xấu (NPL) được kiểm soát ở mức 1,09% (2019: 1,16%) và tỷ lệ bao nợ xấu (LLR) tăng mạnh, lên tới 134,1% (2019: 110,5%) khi MBB tăng trích dự phòng nợ xấu trong 4Q 2020, do đó, MBB đã có sự chuẩn tốt trong trường hợp rủi ro nợ xấu gia tăng trong tương lai. MBB cũng đưa ra kế hoạch tăng trưởng vượt trội trong năm



2021 với LNTT tăng 25%–30% so với 2020 trong kịch bản tín dụng tăng ở mức 26% và tỷ lệ NPL ở mức thấp hơn 1,3%. Tại thời điểm cuối tháng 2 năm 2021, cổ phiếu MBB được giao dịch với mức P/B là 1,7 lần, mức định giá được đánh giá là vẫn hấp dẫn so với nền tảng cơ bản tốt và tiềm năng tăng trưởng cao của ngân hàng.

Giá cổ phiếu FPT tăng 21,3% trong năm 2020. Công ty đạt mức tăng trưởng doanh thu là 7,6% và tăng trưởng thu nhập trên một cổ phần (EPS) là 12,3% so với năm 2019. Dịch vụ Công nghệ Thông tin (“CNTT”) nước ngoài và dịch vụ Viễn thông vẫn là hai động lực tăng trưởng chính của FPT khi ghi nhận mức tăng trưởng lợi nhuận sau thuế lần lượt là 14,4% và 22,2%. Trong năm 2020, doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài tăng trưởng ở hầu hết các thị trường chính với thị trường Châu Á Thái Bình Dương trừ Nhật Bản có mức tăng trưởng cao nhất, tăng 28% so với cùng kỳ. Mảng dịch vụ này cũng đạt tỷ suất lợi nhuận cao hơn, ở mức 16,4% trong năm 2020 so với 15,9% trong năm 2019. Trong 5 năm tới, ban lãnh đạo FPT kỳ vọng mảng dịch vụ CNTT nước ngoài sẽ tăng trưởng bình quân từ 20%-25% mỗi năm trên cơ sở năng lực và khả năng vượt trội của FPT trong việc nắm bắt được các xu hướng phát triển CNTT dài hạn trên toàn cầu ví dụ như xu hướng số hóa. Tăng trưởng của dịch vụ Viễn thông trong năm 2020 đến từ dịch vụ internet băng thông rộng cũng như các dịch vụ khác bao gồm dịch vụ máy chủ. Trong năm 2021, dịch vụ CNTT nước ngoài được kỳ vọng sẽ duy trì mức tăng trưởng cao khi các nền kinh tế trên thế giới tiếp tục hồi phục và hoà nhập với cách thức vận hành mới. Cùng dự báo về mức tăng trưởng ổn định của dịch vụ Viễn thông, đặc biệt khi công nghệ 5G chưa phải là một thách thức lớn cho dịch vụ băng thông rộng ở Việt Nam, FPT được kỳ vọng sẽ ghi nhận mức tăng trưởng khả quan trong năm 2021. Kỳ vọng này phù hợp với kế hoạch kinh doanh 2021 được FPT công bố: lợi nhuận tăng trưởng 18% so với cùng kỳ.

Cổ phiếu ACB tăng 60,6% trong năm 2020. Mức tăng tích cực này được hỗ trợ bởi: (1) kết quả kinh doanh tốt với LNST tăng trưởng 27,8% so với cùng kỳ, (2) việc chuyển sản niêm yết từ HNX sang HSX, và (3) hợp đồng bancassurance độc quyền với SunLife Việt Nam với khoản phí ban đầu là 370 triệu USD. Kết quả kinh doanh tốt của ACB trong năm 2020 chủ yếu được hỗ trợ bởi tăng trưởng tín dụng 15,9% và biên lãi suất tăng lên 3,6% trong năm 2020 từ mức 3,5% của năm 2019. Tính đến cuối năm 2020, ACB có khoảng 9.000 tỷ đồng các khoản vay chịu tác động của Covid-19 được cơ cấu lại theo Thông tư 01/2020/TT-NHNN (tương đương 2,5% tổng dư nợ). Tại thời điểm cuối tháng 2 năm 2021, cổ phiếu ACB được giao dịch ở mức P/B năm 2021 là 1,6 lần, mức không cao cho một trong những ngân hàng được quản lý tốt nhất tại Việt Nam.

Giá cổ phiếu BMP tăng 54,7% trong năm 2020 nhờ vào kết quả kinh doanh khả quan của công ty cùng với kế hoạch tăng cường đầu tư công của Chính phủ. Công ty đạt doanh thu thuần 4.685 tỷ đồng (tăng 8,0% so với 2019) và LNST là 522 tỷ đồng (tăng 23,7% so với 2019). Kết quả trên đạt được trước hết là do hoạt động xây dựng phục hồi vào cuối năm 2020, dẫn đến nhu cầu vật liệu xây dựng cao hơn. Quan trọng hơn, biên lợi nhuận của BMP được cải thiện do giá PVC giảm mạnh trong những



tháng đầu năm 2020. Với vị thế dẫn đầu thị trường phía Nam, BMP có khả năng tận dụng các lợi thế đến từ các dự án hạ tầng mới trong khu vực cũng như sự tiếp tục phục hồi của ngành xây dựng trong năm 2021.

## 1B) VCBF-FIF

### THÔNG TIN QUỸ TẠI NGÀY 31/12/2020

**Tổng Giá trị Tài sản Ròng:**  
75.973.457.705 đồng

**Giá trị Tài sản Ròng/Đơn vị quỹ:** 10.836,00 đồng

**Số lượng Đơn vị Quỹ:**  
7.011.203,70

**Ngày Thành lập:** 09/08/2019

**Ngày Giao dịch:** Thứ Tư hàng tuần

**Phí Mua (Tối đa):** 0.6%

**Phí Quản lý (Tối đa):** 0.9%

### LỢI NHUẬN THAM CHIẾU

Lợi nhuận tham chiếu của quỹ là lợi suất của trái phiếu Chính phủ Việt Nam kỳ hạn 10 năm.

### BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

Bà Nguyễn Thị Hằng Nga,  
CFA

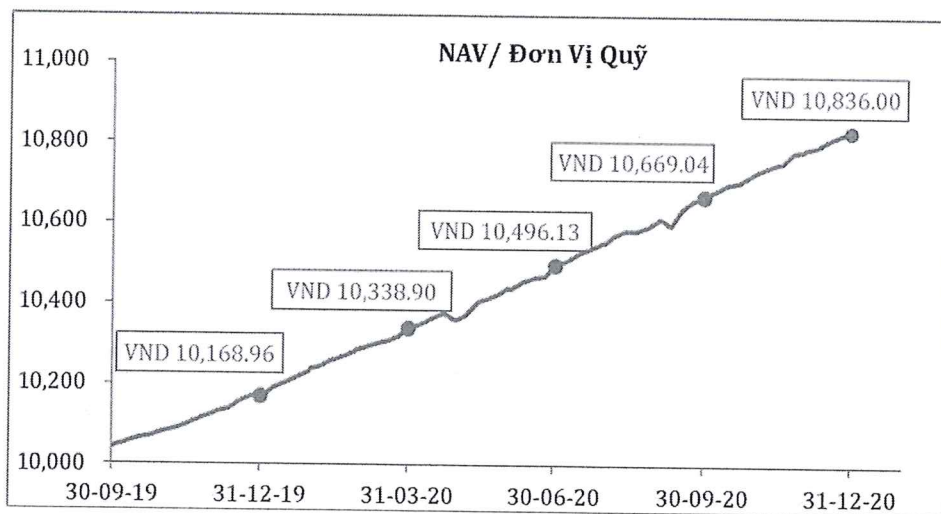
Bà Dương Kim Anh

## QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU (VCBF – FIF)

### CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ

Quỹ sẽ đầu tư tới 100,0% tài sản vào tài sản thu nhập cố định, chủ yếu bao gồm trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu doanh nghiệp. Quỹ sẽ không mua cổ phiếu nhưng có thể thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc thực hiện quyền mua cổ phiếu nếu quyền này được gắn với năm giữ trái phiếu. Trong mọi trường hợp, giá trị cổ phiếu do quỹ nắm giữ sẽ không vượt quá 20,0% Giá trị tài sản ròng của Quỹ.

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ



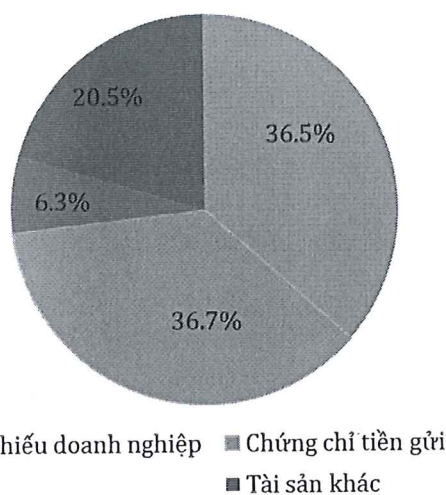
| Lợi nhuận (không bao gồm phí mua)    | Quỹ  | Lợi nhuận tham chiếu |
|--------------------------------------|------|----------------------|
| Từ khi thành lập (lợi nhuận kép/năm) | 5,9% | 3,7%                 |
| Năm 2020                             | 6,6% | 3,4%                 |

Quỹ VCBF-FIF có mức tăng trưởng lợi nhuận vượt trội so với mức tham chiếu, cao hơn 3,2% trong năm 2020 và 2,2%/năm từ khi thành lập. Quỹ đạt lợi nhuận tốt hơn mức tham chiếu vì chúng tôi đã gia tăng các khoản đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp và chứng chỉ tiền gửi, vốn mang lại lợi suất cao hơn và giảm tỷ lệ nắm giữ tiền gửi.

### PHÂN BỐ TÀI SẢN



Phân bố Tài sản - VCBF - FIF



**CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN NHẤT**

**% NAV CỦA QUỸ**

|                                        |       |
|----------------------------------------|-------|
| Trái phiếu Vinhomes (VHM11801)         | 14,7% |
| Trái phiếu Tập đoàn Masan (MSN11906)   | 13,4% |
| Home Credit (Chứng chỉ tiền gửi)       | 13,2% |
| FE Credit (Chứng chỉ tiền gửi)         | 13,2% |
| Mirae Asset (Chứng chỉ tiền gửi)       | 10,5% |
| Trái phiếu Hado 2020.02 (VN0HDG210822) | 8,7%  |

Số liệu cập nhật ngày 31/12/2020

**1C) VCBF-TBF**

**THÔNG TIN QUỸ TẠI  
NGÀY 31/12/2020**

**Tổng Giá trị Tài sản Ròng:**  
193.307.376.421 đồng

**Giá trị Tài sản Ròng /Đơn vị  
quỹ:** 21.343,97 đồng

**Số Đơn vị Quỹ:** 9.056.766,34

**Ngày Thành lập:** 24/12/2013

**Ngày Giao dịch:** Thứ tư hàng  
tuần

**Phí Mua (Tối đa):** 2,0%

**QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG CHIẾN LƯỢC VCBF (VCBF – TBF)**

**CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ**

- Quỹ đầu tư cân bằng chiến lược VCBF (VCBF-TBF) sẽ đầu tư 50% tài sản của Quỹ vào cổ phiếu và 50% vào chứng khoán có thu nhập cố định trong điều kiện thông thường. Việc phân bổ tài sản có thể sẽ thay đổi  $\pm 25,0\%$  so với tỷ trọng trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.
- Chứng khoán có thu nhập cố định chất lượng cao bao gồm, tiền gửi ngân hàng, trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu có bảo lãnh của Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết. Trái phiếu doanh nghiệp được niêm yết chỉ được xem xét đầu tư nếu đáp ứng được yêu cầu về mức độ an toàn nhất định
- Quỹ sẽ chủ yếu đầu tư vào một danh mục đầu tư đa dạng các cổ phiếu



## Phí Quản lý (Tối đa): 1,5%

## LỢI NHUẬN THAM CHIẾU

Lợi nhuận tham chiếu của Quỹ là tỷ suất lợi nhuận được xác định bằng trung bình gián đơn thay đổi của chỉ số VN-Index và lợi suất của trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Chính phủ.

## BAN ĐIỀU HÀNH QUỸ

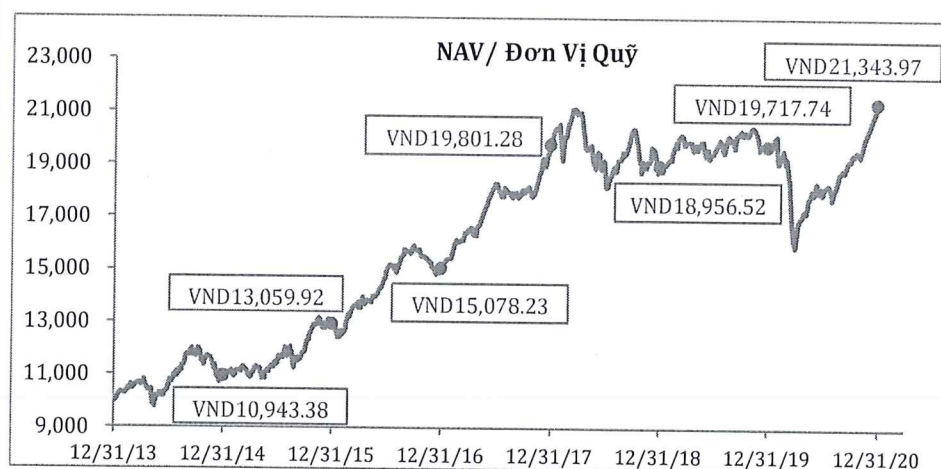
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga,  
CFA

Bà Dương Kim Anh

niêm yết có giá trị vốn hóa thị trường lớn và có thanh khoản tốt trên HSX và HNX.

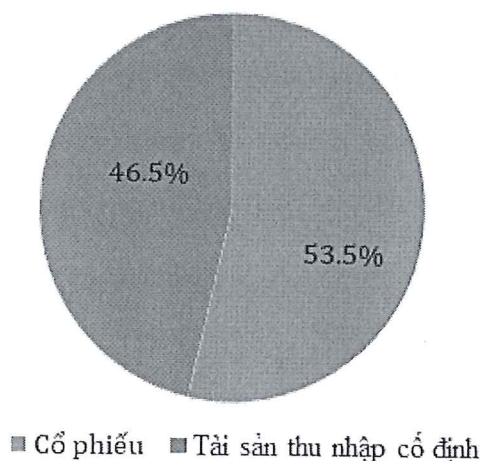
- Quỹ sẽ sử dụng phương pháp tiếp cận từ dưới lên tức là từ phân tích các chỉ số cơ bản của công ty để lựa chọn cổ phiếu đầu tư và lựa chọn các công ty trong nhiều ngành khác nhau.
- Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mang lại lợi nhuận dài hạn thông qua tăng trưởng vốn gốc và thu nhập bằng cách đầu tư vào các cổ phiếu và các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt.

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ



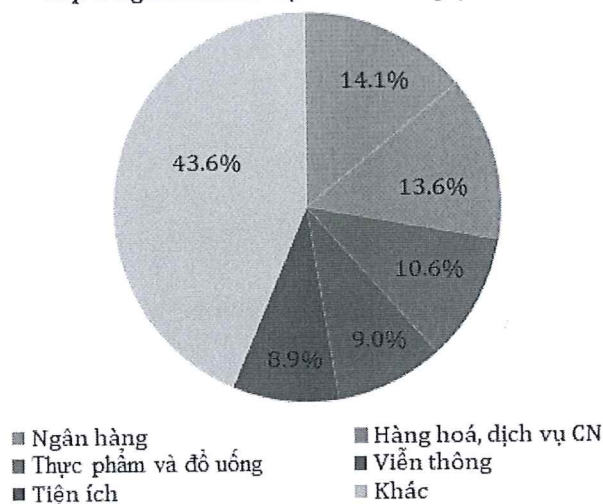
| Lợi nhuận (không bao gồm phí mua)    | Quỹ   | Lợi nhuận tham chiếu |
|--------------------------------------|-------|----------------------|
| Từ khi thành lập (lợi nhuận kép/năm) | 11,4% | 9,2%                 |
| 5 năm (lợi nhuận kép/năm)            | 10,3% | 9,9%                 |
| 3 năm (lợi nhuận kép/năm)            | 2,5%  | 4,4%                 |
| Năm 2020                             | 8,2%  | 9,1%                 |

## PHÂN BỐ TÀI SẢN





Top 5 ngành Danh mục Cổ Phiếu Quỹ VCBF-TBF



**TOP 5 KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN NHẤT**

**% NAV CỦA QUỸ**

|                                      |      |
|--------------------------------------|------|
| Trái phiếu Tập đoàn Masan (MSN11906) | 7,9% |
| Trái phiếu Tập đoàn Hà Đô            | 6,6% |
| Ngân hàng TMCP Quân đội (HSX: MBB)   | 5,1% |
| Tập đoàn FPT (HSX: FPT)              | 5,6% |
| Trái phiếu Vinhomes (VHM11801)       | 4,2% |

Số liệu cập nhật ngày 31/12/2020

Trong năm 2020, Quỹ VCBF-TBF đạt mức lợi nhuận 8,2%, thấp hơn 0,9% so với lợi nhuận của danh mục tham chiếu. Nguyên nhân chủ yếu là do Quỹ giảm tỷ trọng cổ phiếu xuống mức thấp hơn tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục tham chiếu trước những lo ngại về ảnh hưởng nghiêm trọng và những bất ổn kéo dài do đại dịch Covid-19 gây ra. Tuy vậy, từ khi thành lập, lợi nhuận kép hàng năm của Quỹ vẫn cao hơn 2.2% so với lợi nhuận tham chiếu. Và trong khi VN-Index vẫn đang nỗ lực vượt mức cao nhất mọi thời đại được thiết lập vào tháng 3/2018, giá đơn vị quỹ VCBF-TBF vào cuối năm 2020 đã vượt qua mức đỉnh thiết lập trong cùng thời gian này.

Các công ty đóng góp nhiều nhất vào lợi nhuận của Quỹ trong 2020 là những công ty mà Quỹ đầu tư với tỷ trọng cao hơn danh mục tham chiếu vì các công ty này có tình hình tài chính vững mạnh và có khả năng tạo ra kết quả kinh doanh tốt hơn trong năm 2020 cũng như trong dài hạn, bất chấp những khó khăn và bất ổn do đại dịch Covid-19 gây ra. Những công ty này bao gồm Công ty CP Tập đoàn Hòa Phát (HSX: HPG), Ngân hàng TMCP Quân đội (HSX: MBB), Công ty CP FPT (HSX: FPT), Công ty CP Nhựa Bình Minh (HSX: BMP) và Công ty Cổ phần Nước – Môi



trường Bình Dương (HSX: BWE).

Giá cổ phiếu HPG tăng mạnh đến 115,6% trong năm 2020 khi Khu liên hợp gang thép Dung Quất đóng góp tích cực vào kết quả kinh doanh năm 2020 và kỳ vọng sẽ tiếp tục gia tăng lợi nhuận trong những năm tới. Bên cạnh đó, Hòa Phát được hưởng lợi từ giá thép tăng khi nhu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng tăng mạnh cả trong nước và trên toàn cầu. Trong năm 2020, Hòa Phát ghi nhận lợi nhuận ròng kỷ lục, 13.438,5 tỷ đồng, tăng trưởng 78,7% so với cùng kỳ trong khi doanh thu đạt 90.118,5 tỷ đồng, tăng 41,6% so với năm trước. Cả năm, Hòa Phát cung cấp sản lượng thép xây dựng là 3,4 triệu tấn (tăng 22,5% so với năm 2019), sản lượng phôi thép là 1,8 triệu tấn và sản lượng thép cuộn cán nóng (HRC) là 686.000 tấn. Thị phần thép xây dựng của HPG năm 2020 đã được cải thiện đáng kể lên mức 32,5%, từ mức 26,2% trong năm 2019. Tăng trưởng cao được kỳ vọng cho năm 2021 với thị phần thép xây dựng được dự báo có thể đạt trên 37%. HPG đã vận hành lò cao (BOF) thứ tư tại Khu liên hợp gang thép Dung Quất vào tháng 1 năm 2021. Tại thời điểm cuối tháng 2 năm 2021, cổ phiếu HPG giao dịch ở mức P/E năm 2021 là 9,1 lần. Quỹ sẽ tiếp tục nắm giữ HPG vì tin rằng dưới sự dẫn dắt của ban lãnh đạo tài giỏi và giàu tâm huyết, công ty sẽ tiếp tục là công ty hàng đầu của ngành thép Việt Nam. Chúng tôi cũng tiếp tục tin tưởng vào tiềm năng tăng trưởng lợi nhuận của công ty khi sản lượng thép xây dựng và HRC được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng trong những năm tới.

Giá cổ phiếu MBB tăng 27,2% trong năm 2020 với kỳ vọng về kết quả hoạt động kinh doanh tốt trong năm 2020 và trong dài hạn. Lợi nhuận trước thuế (LNTT) năm 2020 đạt 10.689 tỷ đồng, tăng 6,5% so với cùng kỳ. Tín dụng được đẩy mạnh vào cuối năm và đạt tăng trưởng 23,0% cho cả năm. Tỷ lệ chi phí trên thu nhập (CIR) giảm từ 39,4% năm 2019 xuống 38,6%. Tỷ lệ nợ xấu (NPL) được kiểm soát ở mức 1,09% (2019: 1,16%) và tỷ lệ bao nợ xấu (LLR) tăng mạnh, lên tới 134,1% (2019: 110,5%) khi MBB tăng trích dự phòng nợ xấu trong 4Q 2020, do đó, MBB đã có sự chuẩn tốt trong trường hợp rủi ro nợ xấu gia tăng trong tương lai. MBB cũng đưa ra kế hoạch tăng trưởng vượt trội trong năm 2021 với LNTT tăng 25%-30% so với 2020 trong kịch bản tín dụng tăng ở mức 26% và tỷ lệ NPL ở mức thấp hơn 1,3%. Tại thời điểm cuối tháng 2 năm 2021, cổ phiếu MBB được giao dịch với mức P/B là 1,7 lần, mức định giá được đánh giá là vẫn hấp dẫn so với nền tảng cơ bản tốt và tiềm năng tăng trưởng cao của ngân hàng.

Giá cổ phiếu FPT tăng 21,3% trong năm 2020. Công ty đạt mức tăng trưởng doanh thu là 7,6% và tăng trưởng thu nhập trên một cổ phần (EPS) là 12,3% so với năm 2019. Dịch vụ Công nghệ Thông tin ("CNTT") nước ngoài và dịch vụ Viễn thông vẫn là hai động lực tăng trưởng chính của FPT khi ghi nhận mức tăng trưởng lợi nhuận sau thuế lần lượt là 14,4% và 22,2%. Trong năm 2020, doanh thu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài tăng trưởng ở hầu hết các thị trường chính với thị trường Châu Á Thái Bình Dương trừ Nhật Bản có mức tăng trưởng cao nhất, tăng 28% so với cùng kỳ. Mảng dịch vụ này cũng đạt tỷ suất lợi nhuận cao hơn, ở mức 16,4% trong năm 2020 so với 15,9% trong năm 2019. Trong 5 năm tới, ban lãnh đạo FPT kỳ vọng mảng dịch vụ CNTT nước ngoài sẽ tăng



trường bình quân từ 20%-25% mỗi năm trên cơ sở năng lực và khả năng vượt trội của FPT trong việc nắm bắt được các xu hướng phát triển CNTT dài hạn trên toàn cầu ví dụ như xu hướng số hóa. Tăng trưởng của dịch vụ Viễn thông trong năm 2020 đến từ dịch vụ internet băng thông rộng cũng như các dịch vụ khác bao gồm dịch vụ máy chủ. Trong năm 2021, dịch vụ CNTT nước ngoài được kỳ vọng sẽ duy trì mức tăng trưởng cao khi các nền kinh tế trên thế giới tiếp tục hồi phục và hoà nhập với cách thức vận hành mới. Cùng dự báo về mức tăng trưởng ổn định của dịch vụ Viễn thông, đặc biệt khi công nghệ 5G chưa phải là một thách thức lớn cho dịch vụ băng thông rộng ở Việt Nam, FPT được kỳ vọng sẽ ghi nhận mức tăng trưởng khả quan trong năm 2021. Kỳ vọng này phù hợp với kế hoạch kinh doanh 2021 được FPT công bố: lợi nhuận tăng trưởng 18% so với cùng kỳ.

Giá cổ phiếu BMP tăng 54,7% trong năm 2020 nhờ vào kết quả kinh doanh khả quan của công ty cùng với kế hoạch tăng cường đầu tư công của Chính phủ. Công ty đạt doanh thu thuần 4.685 tỷ đồng (tăng 8,0% so với 2019) và LNST là 522 tỷ đồng (tăng 23,7% so với 2019). Kết quả trên đạt được trước hết là do hoạt động xây dựng phục hồi vào cuối năm 2020, dẫn đến nhu cầu vật liệu xây dựng cao hơn. Quan trọng hơn, biên lợi nhuận của BMP được cải thiện do giá PVC giảm mạnh trong những tháng đầu năm 2020. Với vị thế dẫn đầu thị trường phía Nam, BMP có khả năng tận dụng các lợi thế đến từ các dự án hạ tầng mới trong khu vực cũng như sự tiếp tục phục hồi của ngành xây dựng trong năm 2021.

Trong năm 2020, giá cổ phiếu BWE tăng 47,0% nhờ kết quả kinh doanh khả quan. Hoạt động kinh doanh của BWE đã chứng tỏ khả năng chống chịu tốt trong giai đoạn kinh tế khó khăn với mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ròng lần lượt là 18,9% và 12,4% trong năm 2020. Sản lượng nước sạch tiêu thụ tăng 6,6% so với cùng kỳ bất chấp tiêu thụ nước cho sản xuất công nghiệp giảm trong quý 2 do giãn cách xã hội trong tháng tư. Trong khi đó, giá bán nước trung bình tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, việc giải quyết những vướng mắc trong việc thu phí xử lý rác thải cũng đã hỗ trợ đà tăng trưởng của BWE trong nửa cuối năm. Tại thời điểm cuối tháng 2 2021, cổ phiếu BWE đang giao dịch ở mức P/E và EV/EBITDA ước tính cho năm 2021 lần lượt là 12,2x và 6,4x, mức định giá được coi là hấp dẫn so với lợi thế cạnh tranh vững chắc của công ty và triển vọng tăng trưởng về dân số và sản xuất công nghiệp ở tỉnh Bình Dương.

## 2 Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Chứng khoán Năm 2020. Nhận định của Công ty Quản lý Quỹ

### CẬP NHẬT TÌNH HÌNH KINH TẾ VĨ MÔ

Nhờ vào những chính sách và biện pháp kiểm soát kịp thời của Chính phủ cũng như niềm tin và sự ủng hộ tối đa của người dân, Việt Nam đã kiểm soát thành công đại dịch Covid-19. Vì vậy, Việt Nam là một trong số ít các nước trên thế giới tránh được khủng hoảng kinh tế mặc dù nền kinh tế toàn cầu rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng trong năm 2020. Một số điểm đáng chú ý như sau:



- GDP của Việt Nam tăng trưởng 2,9% trong năm 2020 và tốc độ tăng trưởng đã được cải thiện trong kể từ quý 3. Tất cả các ngành đều ghi nhận tăng trưởng dương với ngành Công nghiệp và Xây dựng là động lực tăng trưởng chính, tăng 4,0% so với năm trước. Nhóm ngành Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản tăng trưởng 2,6% so với năm 2019. Đáng chú ý là ngành Dịch vụ cũng hồi phục khả quan, tăng 2,3% so với cùng kỳ và chủ yếu dựa vào nhu cầu mạnh mẽ trong nước vì số lượng khách du lịch nước ngoài sụt giảm mạnh.
- Giá trị xuất khẩu tiếp tục tăng trưởng với mức tăng 7,0% trong năm 2020, chủ yếu được thúc đẩy bởi xuất khẩu hàng điện tử và máy móc thiết bị, bất chấp kinh tế thế giới suy giảm mạnh nhất kể từ chiến tranh thế giới thứ hai. Giá trị nhập khẩu tăng trưởng thấp, ở mức 3,6% so với cùng kỳ. Vì vậy, thặng dư thương mại hàng hóa lập kỷ lục mới với 19,1 tỷ USD. Mức thặng dư này giúp bù đắp thâm hụt dịch vụ 12,0 tỷ USD trong năm 2020, cao hơn 8 lần so với cùng kỳ do số lượng khách quốc tế giảm mạnh.
- Nguồn vốn FDI đăng ký mới và điều chỉnh tăng vốn đạt 21,1 tỷ USD, chỉ giảm 6,6% so với năm 2019 mặc dù bị ảnh hưởng bởi các biện pháp hạn chế đi lại giữa Việt Nam và các nước. Giải ngân vốn FDI ít bị ảnh hưởng hơn và chỉ giảm 2,0% xuống 20,0 tỷ USD.
- Lạm phát vẫn giữ ở mức thấp với CPI trung bình cả năm 2020 tăng 3,2%, chủ yếu do giá thịt lợn tăng cao trong nửa đầu năm 2020. Tuy vậy CPI tháng 12 chỉ tăng 0,2% so với cuối năm 2019. Tăng trưởng tín dụng tăng tốc trong quý 4 và đạt 12,1% cho cả năm 2020. Trong năm, Ngân hàng Nhà nước đã tiến hành cắt giảm lãi suất ba lần để hỗ trợ các doanh nghiệp.
- Tỷ giá ổn định với giá trị VNĐ gần như không đổi so với đầu năm 2020 và dự trữ ngoại hối của Việt Nam được cho là đã đạt mức 100 tỷ USD. Đáng chú ý là vào ngày 16/12/2020, Bộ Tài chính Hoa Kỳ đưa Việt Nam vào danh sách các nước thao túng tiền tệ vì mục tiêu hỗ trợ xuất khẩu một cách không công bằng. Mặc dù có nhiều lý do để tin rằng sự cáo buộc này là thiếu căn cứ, NHNN đã phân nào thay đổi chính sách mua ngoại tệ để không làm ảnh hưởng đến tỷ giá hối đoái nhưng Đồng Việt Nam được kỳ vọng là vẫn sẽ mạnh lên so với USD trong năm 2021.
- Thâm hụt ngân sách được kiểm soát tốt và được ước tính ở mức 4% của GDP, thấp hơn mức dự đoán là từ 5% đến 6%, mặc dù Chính Phủ thực hiện các gói hỗ trợ các đối tượng bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19.

## THỊ TRƯỜNG CỔ PHIẾU

Chỉ số VNI tăng 14,9% trong năm 2020, so với mức tăng chỉ 7,7% của năm 2019. Trong quý 1/2020, chỉ số VNI giảm 31,1% trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát trên toàn cầu. Từ mức đáy vào cuối tháng 3, VNI đã tăng mạnh trở lại 67,0% cho đến cuối năm. Trái ngược với năm 2019, một trong những năm ít biến động nhất trong lịch sử thị trường,



diễn biến hình chữ V năm 2020 cho thấy mức độ biến động thậm chí còn cao hơn so với năm 2018, năm mà chỉ số VNI đạt mức đỉnh cao nhất mọi thời đại và sau đó giảm mạnh. Cũng trái ngược với năm 2019, các cổ phiếu vốn hóa lớn có mức tăng trưởng thấp hơn các cổ phiếu vốn hóa nhỏ và trung bình trong năm 2020 khi chỉ số VN30 tăng 21,8% trong khi VN70 và VNSmallCap lần lượt tăng 36,3% và 37,8% trong năm. Chỉ số chứng khoán sàn Hà Nội, HNXIndex thậm chí còn tăng 98,2% vào năm 2020.

Trong cả năm 2020, giá trị giao dịch trung bình hàng ngày toàn thị trường tăng 57,0% so với cùng kỳ lên 329,6 triệu USD. Thanh khoản tăng mạnh chủ yếu do các nhà đầu tư trong nước dẫn dắt, có thể thấy thông qua số lượng tài khoản mở mới. Trong cả năm 2020, các nhà đầu tư trong nước đã mở 392.500 tài khoản mới, cao hơn gấp đôi so với năm ngoái và cũng là mức cao nhất trong 20 năm qua. Trong những tuần cuối cùng của tháng 12, dòng tiền và số lượng lệnh giao dịch khổng lồ đã gây ra sự cố kỹ thuật trên HSX, khiến giao dịch trên sàn này thường bị đình trệ khi giá trị giao dịch trong ngày vượt quá ~ 600 triệu USD. Mặc dù HSX đã quyết định tăng lô giao dịch tối thiểu từ 10 lên 100 cổ phiếu để giảm số lượng lệnh đặt trên thị trường kể từ đầu năm 2021, nhưng vẫn đề nghẽn lệnh dường như không được giải quyết khi giá trị giao dịch hàng ngày tăng lên ~700 triệu USD. Trái ngược với các nhà đầu tư trong nước, khối ngoại đã liên tục bán ròng, 995,6 triệu USD trong năm 2020, so với tổng giá trị mua ròng 205,8 triệu của năm 2019.

Trong năm 2020, tất cả 12 ngành đều có mức tăng tích cực. Mức tăng mạnh nhất thuộc về nhóm cổ phiếu chưa được Bloomberg phân loại vào một ngành cụ thể (tăng 105,2%, chủ yếu do Tập đoàn Cao su Việt Nam - GVR) và nhóm cổ phiếu ngành Nguyên vật liệu (tăng 88,2%, chủ yếu dẫn dắt bởi Tập đoàn Hoà Phát - HPG). Các ngành có mức tăng thấp nhất là Năng lượng (+5,7%), Bất động sản (+4,2%) và Tiện ích (+0,8%). Thị trường tăng điểm trên diện rộng khi có tới 75,6% tổng số cổ phiếu niêm yết trên HSX tăng giá, so với chỉ 50,0% trong năm 2019. Không có một cổ phiếu nào có ảnh hưởng quá lớn lên điểm số của VNIndex. Năm cổ phiếu dẫn dắt chỉ đóng góp 53% vào mức tăng của chỉ số, so với mức 138% trong năm 2019.

## THỊ TRƯỜNG TRÁI PHIẾU

### Thị Trường Trái Phiếu Chính Phủ

Trong năm 2020, Kho bạc Nhà nước đã phát hành 326 nghìn tỷ đồng, cao hơn 64,8% khối lượng phát hành năm 2019 và vượt kế hoạch ban đầu 25,4%. Khối lượng dự thầu gấp 2,6 lần khối lượng gọi thầu và 3,3 lần khối lượng phát hành. Trái phiếu Chính phủ 10 năm và 15 năm tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn trong cả khối lượng dự thầu (80%) và khối lượng phát hành (79%).

Lợi suất Trái phiếu Chính phủ tiếp tục giảm mạnh ở mọi kỳ hạn, mạnh nhất ở kỳ hạn 10 và 15 năm với mức giảm gần 100 điểm phần trăm. Các kỳ hạn khác cũng giảm tới 60-75 điểm phần trăm. Một số yếu tố chính ảnh hưởng tới thanh khoản hệ thống ngân hàng, theo đó khiến cầu Trái phiếu Chính phủ ngày một lớn, đẩy lợi suất xuống mức thấp kỷ lục gồm:



- Niềm tin của các tổ chức tham gia thị trường tiếp tục được củng cố nhờ sự kiểm soát tốt các đợt bùng phát dịch và sự hồi phục mạnh mẽ của nền kinh tế. Tin tích cực về các loại vaccines được chấp thuận trên thế giới đã củng cố thêm sự lạc quan trên thị trường.
- Tăng trưởng tín dụng năm 2020 mặc dù cao hơn dự kiến (12.13% so với 9-10%) vẫn thấp hơn mức tăng trưởng bình quân 14% của những năm trước.
- Ngân hàng Nhà nước liên tục mua vào USD và bơm tiền đồng ra nền kinh tế.
- Ngân hàng Nhà nước tiếp tục không có bất kỳ động thái nào nhằm hút bớt thanh khoản ra khỏi hệ thống, thể hiện quyết tâm trong việc buộc các ngân hàng thương mại giảm lãi suất huy động, và theo đó giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ doanh nghiệp.

### Thị Trường Trái Phiếu Doanh Nghiệp

Trong năm 2020, giá trị Trái phiếu Doanh nghiệp phát hành đạt 403,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 69,10% khối lượng đăng ký. Ngân hàng và các công ty bất động sản chiếm tương ứng 35,80% và 42,60% tổng khối lượng phát hành. Trong khi lợi tức trái phiếu tổ chức tín dụng liên tiếp giảm trong cả năm 2020, lợi tức trái phiếu các doanh nghiệp phi tín dụng duy trì tương đối ổn định ở mức 10-11%. Từ ngày 01/01/2021, việc phát hành trái phiếu riêng lẻ sẽ được điều chỉnh bởi Nghị định 153/2020 và việc phát hành trái phiếu ra công chúng sẽ được điều chỉnh bởi Luật chứng khoán và Nghị định 155/2020. Thay đổi lớn nhất của Nghị định 153/2020 là quy định chỉ các nhà đầu tư chuyên nghiệp được tham gia đầu tư trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ và thay đổi lớn nhất của Luật Chứng khoán và Nghị định 155/2020 về phát hành trái phiếu ra công chúng là việc yêu cầu phải có xếp hạng định mức tín nhiệm đối với các tổ chức phát hành, (i) có khối lượng trái phiếu phát hành trên 500 tỉ đồng trong vòng 12 tháng và lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu; hoặc (ii) có dư nợ trái phiếu doanh nghiệp lớn hơn 100% vốn chủ sở hữu.

### NHẬN ĐỊNH CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Chủ đề chính năm 2021 sẽ là quá trình tái thiết nền kinh tế toàn cầu hậu Covid-19. Với những bước đột phá về vắc-xin, tăng trưởng toàn cầu dự kiến sẽ được cải thiện mạnh. Tuy nhiên, các trở ngại trong chuỗi cung ứng và thách thức trong sản xuất hàng loạt sẽ khiến triển vọng phân phối rộng rãi chỉ có thể được thực hiện vào nửa cuối năm nay hoặc thậm chí là sang năm 2022. Cho đến thời điểm đó, quá trình phục hồi có thể sẽ không liên tục vì Covid-19 vẫn tiếp tục hoành hành tại nhiều quốc gia. Năm 2021, kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ phục hồi 5,6%<sup>1</sup>, theo sau mức giảm 4,4% của năm 2020, chỉ cho thấy sự phục hồi về lại GDP của năm 2019. Chính sách tiền tệ và tài khóa của các nước lớn và các Ngân hàng Trung ương được kỳ vọng sẽ tiếp tục hỗ trợ cho sự phục hồi kinh

<sup>1</sup> Mức trung vị các dự báo trên Bloomberg tại ngày 24/03/2021



tế. Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ đã thông báo sẽ không tăng lãi suất từ mức gần 0% hiện tại cho đến năm 2023, trong khi tân Tổng thống đã đạt được thoả thuận cho một gói kích thích mới. Sự thất bại của Tổng thống Trump được kỳ vọng sẽ làm giảm căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc (cũng như Mỹ và phần còn lại của thế giới), vốn đã làm giảm đáng kể tốc độ tăng trưởng toàn cầu và dòng chảy thương mại trong những năm gần đây.

Kinh tế của Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục tăng trưởng nổi bật trong năm 2021. Mục tiêu tăng trưởng của Chính phủ là 6,5%, trong khi Ngân hàng Thế giới kỳ vọng mức tăng trưởng cao hơn là 6,8% và 19 tổ chức tài chính toàn cầu dự báo mức tăng trưởng bình quân là 7,5%<sup>2</sup>. Chúng tôi cũng cho rằng mục tiêu tăng trưởng của Chính phủ là có thể đạt được, mặc dù còn nhiều thách thức, nhờ vào nền so sánh thấp trong nửa đầu năm 2020 và kỳ vọng triển khai vắc xin rộng rãi vào nửa cuối năm 2021, tạo điều kiện cho ngành dịch vụ phục hồi.

Về tổng cầu tiêu dùng nội địa, đà tăng mạnh vào cuối năm 2020 được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát huy trong năm 2021. Chỉ tiêu tiêu dùng không thường xuyên đang quay trở lại. Ví dụ, doanh số bán xe ô tô đã tăng mạnh 29,1% so với cùng kỳ trong quý 4 năm 2020 sau khi giảm 22,0% trong chín tháng đầu năm. Doanh số bán lẻ hàng hóa cả nước đã tăng trưởng ngoạn mục 13,8% trong tháng 12, mức tăng trưởng tương tự được thấy trước Covid-19.

Về thương mại, lợi thế của một địa điểm sản xuất an toàn sẽ tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam. Bên cạnh đó, một loạt các FTA mới được ký kết/thực thi (EVFTA, RCEP và UKVFTA) sẽ bắt đầu mang lại nhiều kết quả hơn vào năm 2021, tạo thêm động lực cho một trung tâm xuất khẩu mới, Việt Nam. Đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường đã giảm trong năm 2020 như EU-28 (-2,7%) và ASEAN (-8,7%) cũng sẽ giúp giảm sự phụ thuộc vào thị trường Mỹ. Thặng dư thương mại của Việt Nam với Hoa Kỳ đã tăng thêm 33,4% lên mức kỷ lục mới 62,7 tỷ USD vào năm 2020, dẫn đến việc Hoa Kỳ bắt đầu điều tra theo Mục 301 đối với Việt Nam và dán nhãn thao túng tiền tệ.

Đầu tư tư nhân cũng sẽ phục hồi, sau khi chỉ tăng trưởng 3,1% trong năm 2020 trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Tăng trưởng tín dụng đã tăng 6,0% chỉ trong quý cuối năm 2020 để kết năm với mức tăng 12,1%, cho thấy niềm tin kinh doanh và tiêu dùng đang được cải thiện, giúp kích thích nhu cầu tín dụng trong môi trường lãi suất thấp. Những nỗ lực toàn diện gần đây của Chính phủ nhằm thúc đẩy chi tiêu công cũng sẽ tạo ra tác động lan tỏa tích cực đến đầu tư của khu vực tư nhân (Tổng cục Thống kê ước tính 1 USD từ đầu tư công có thể tạo ra 1,42 USD đầu tư tư nhân). Đầu tư nước ngoài cũng sẽ phục hồi vào năm 2021 nhờ các FTA mới được ký kết, nhu cầu đa dạng hóa chuỗi cung ứng, rủi ro địa chính trị toàn cầu giảm bớt và đồng USD được dự báo suy yếu trong nhiệm kỳ của Tổng thống Biden. Nhờ việc ngăn chặn Covid-19 thành

<sup>2</sup> Mức trung vị các dự báo trên Bloomberg tại ngày 24/03/2021



công, Việt Nam với tư cách là một thương hiệu quốc gia đã trở nên có giá trị hơn. Điều này cũng sẽ giúp thu hút nhiều vốn FDI hơn.

Các yếu tố ổn định kinh tế vĩ mô sẽ được theo dõi chặt chẽ vào năm 2021. Chúng tôi nhận thấy một số rủi ro lạm phát do giá hàng hóa cơ bản đang tăng mạnh. Và thực tế là đồng Nhân dân tệ đã tăng giá 7,1% so với đồng USD trong 12 tháng qua trong khi Đồng Việt Nam gần như đứng giá tạo ra những thách thức hơn nữa, do hàng hóa từ Trung Quốc chiếm đến 32,0% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam vào năm 2020. Việc Hoa Kỳ chỉ định Việt Nam là nước thao túng tiền tệ có thể ảnh hưởng đến chiến lược điều hành tỷ giá hối đoái của NHNN và Đồng Việt Nam có khả năng tăng giá vào năm 2021 nhờ giải ngân FDI mạnh, cán cân vãng lai thặng dư và dự trữ ngoại hối cao nhất lịch sử.

Đối với thị trường chứng khoán, định giá đang tăng nhanh nhờ thanh khoản dồi dào, lãi suất giảm và kỳ vọng cao về việc lợi nhuận doanh nghiệp sẽ phục hồi trong năm 2021. Tại ngày 15/03/2021, chỉ số P/E dựa trên lợi nhuận của 12 tháng gần nhất đang ở mức 18,3 lần, rẻ hơn so với hầu hết các thị trường khác trong khu vực. Tuy nhiên, chỉ số này đã cao hơn một độ lệch chuẩn (SD) so với mức trung bình 5 năm qua là 16,2 lần. Hiện tại, dự báo tổng hợp từ Bloomberg dự đoán lợi nhuận doanh nghiệp sẽ tăng trưởng 23,5% trong năm 2021. Điều này dẫn đến P/E dự phóng 2021 là 14,8 lần. Mức định giá này không quá cao so với thời điểm thị trường tạo đỉnh lịch sử vào tháng 4 2018 với mức P/E dựa trên lợi nhuận của 12 tháng gần nhất là 22,0 lần và P/E dự phóng là 20,0 lần. Hơn nữa, lãi suất hiện nay thấp hơn rất nhiều so với thời điểm năm 2018. Tuy nhiên, sự điều chỉnh có thể xuất hiện khi tâm lý thị trường, đặc biệt là từ các nhà đầu tư trong nước, đang rất lạc quan và giá trị giao dịch tăng cao. Mặc dù không thể dự đoán tâm lý nhà đầu tư có thể duy trì tích cực trong bao lâu, nhưng nó có thể thay đổi nhanh và gây ra các đợt điều chỉnh trên thị trường. Chúng tôi cũng kỳ vọng lãi suất, một yếu tố quyết định mối quan tâm của các nhà đầu tư trong nước đối với thị trường chứng khoán, sẽ vẫn ở mức thấp, ít nhất là trong 6 tháng đầu năm 2021. Một điểm quan trọng nữa là sự cô kỹ thuật trên sơ giao dịch chứng khoán HSX đang hạn chế tiềm năng tăng trưởng của thị trường và nếu không được xử lý sớm, sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý và niềm tin của nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư nước ngoài.

### 3 Hoạt động của nhà đầu tư trong năm 2020

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 lan rộng gây ra nhiều bất ổn cho nền kinh tế, tâm lý và hoạt động của các nhà đầu tư nhìn chung tương đối thận trọng trong nửa đầu năm 2020. Niềm tin của các nhà đầu tư đã được cải thiện trong nửa cuối năm và nhờ đó thị trường chứng khoán bắt tăng trở lại mạnh mẽ trong giai đoạn này. Mặc dù lượng mua chứng chỉ quỹ tăng khá khi thị trường giảm điểm, một số nhà đầu tư đã hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường tăng cao nên nhìn chung hai quỹ, VCBF-BCF và VCBF-TBF, vẫn ghi nhận sự rút vốn ròng trong năm 2020.



Số tiền rút ròng của nhà đầu tư ở 2 quỹ VCBF-BCF và VCBF-TBF trong năm 2020 mặc dù ít hơn năm 2019, nhưng với 68,4 tỷ đồng rút ròng của VCBF-BCF và 21,6 tỷ đồng của VCBF-TBF đã dẫn đến việc giảm quy mô tài sản của cả hai quỹ.

Ở chiều ngược lại, VCBF-FIF đã cung cấp một giải pháp đầu tư thay thế tốt và được nhiều nhà đầu tư lựa chọn, thứ nhất là quỹ có rủi ro đầu tư thấp và tạo ra các khoản thu nhập cố định, và thứ hai là nhà đầu tư vào quỹ được hưởng lợi suất cao hơn từ các khoản đầu tư trái phiếu so với tiền gửi ngân hàng. Do đó, quy mô của quỹ đã tăng trưởng tương đối tốt trong năm 2020.

VCBF tiếp tục chú trọng cải thiện hoạt động truyền thông và trao đổi với các nhà đầu tư nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư các thông tin và nhận định hữu ích và kịp thời về các chủ đề đầu tư chung và đặc biệt là về tình hình vĩ mô và các cơ hội đầu tư trong năm 2020 trong bối cảnh nền kinh tế còn nhiều bất ổn do tác động của đại dịch trên toàn cầu. Thông tin cập nhật và nhận định được gửi qua email định kỳ hai tuần một lần cũng như qua trang web của VCBF, các kênh Facebook, Youtube và Linkedin. Một chuỗi các buổi đối thoại trực tiếp về những vấn đề liên quan đến hoạt động đầu tư quỹ mở đã được ra mắt vào tháng 11 2020 với phần Hỏi và Đáp dành cho các nhà đầu tư và đã được đón nhận rất tích cực. Bên cạnh đó, trang web của VCBF luôn được cập nhật ngay khi có thông tin mới về quỹ cũng như các thông báo khác được công bố nhằm đảm bảo nhà đầu tư có thể tiếp cận các thông tin cần thiết một cách nhanh và chính xác nhất.

#### **4 Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho giai đoạn từ 1 tháng 1 đến 31 tháng 12 năm 2020**

Căn cứ vào Nghị quyết ủy quyền của các nhà đầu tư tại IGM của Quỹ vào ngày 15 tháng 4 năm 2020, Ernst & Young Việt Nam Ltd đã được chỉ định là công ty kiểm toán của các Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Vui lòng tham khảo tóm tắt Báo cáo tài chính của Quỹ VCBF-BCF cho giai đoạn từ 1 tháng 1 đến 31 tháng 12 năm 2020, tóm tắt Báo cáo tài chính của Quỹ VCBF-TBF cho giai đoạn từ 1 tháng 1 đến 31 tháng 12 năm 2020 và tóm tắt Báo cáo tài chính của Quỹ VCBF-FIF cho giai đoạn từ 1 tháng 1 đến 31 tháng 12 năm 2020.

Xin lưu ý rằng Báo cáo của công ty kiểm toán là báo cáo không ngoại trừ.

ĐHNĐT được đề nghị thông qua nghị quyết dành cho từng quỹ như sau:

**A: Dành cho nhà đầu tư của Quỹ VCBF-BCF:**

**RẰNG** Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ VCBF-BCF cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm 2020 được thông qua.

**B: Dành cho nhà đầu tư của Quỹ VCBF-TBF:**

**RẰNG** Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ VCBF-TBF cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm 2020 được thông qua.

**C: Dành cho nhà đầu tư của Quỹ VCBF-FIF:**

**RẰNG** Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ VCBF-FIF cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm 2020 được thông qua.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Cổ phiếu Hàng đầu VCBF (“Quỹ”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 16 đến trang 56, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ*

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### ***Ý kiến của Kiểm toán viên***

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**

---

Saman Wijaya Bandara  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2018-004-1

---

Nguyễn Đăng Tùng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4415-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021



**BÁO CÁO THU NHẬP QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU HÀNG ĐẦU VCBF**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

| Mã số     | CHỈ TIÊU                                                                | Thuyết minh | Năm nay VNĐ           | Năm trước VNĐ         |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>01</b> | <b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                          |             | <b>52.434.053.741</b> | <b>27.694.286.559</b> |
| 02        | 1.1 Cổ tức được chia                                                    |             | 8.586.537.433         | 16.116.986.900        |
| 03        | 1.2 Tiền lãi được nhận                                                  | 13          | 2.084.485.908         | 222.799.009           |
| 04        | 1.3 (Lỗ)/ lãi bán các khoản đầu tư                                      | 14          | (35.257.165.180)      | 16.392.875.061        |
| 05        | 1.4 Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện | 5           | 77.020.195.580        | (5.038.374.411)       |
| <b>10</b> | <b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>                                               |             | <b>343.025.646</b>    | <b>384.295.196</b>    |
| 11        | 2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư                         | 15          | 343.025.646           | 384.295.196           |
| <b>20</b> | <b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>                                    |             | <b>6.906.429.422</b>  | <b>10.217.714.063</b> |
| 20.1      | 3.1 Phí quản lý Quỹ mở                                                  | 24.1        | 5.667.352.521         | 8.897.266.811         |
| 20.2      | 3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở                                   | 16          | 309.589.879           | 341.423.064           |
| 20.3      | 3.3 Phí dịch vụ giám sát                                                | 24.2        | 237.600.000           | 238.287.103           |
| 20.4      | 3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở                                         | 24.2        | 237.600.000           | 238.287.103           |
| 20.5      | 3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng                                    |             | 132.000.000           | 132.000.000           |
| 20.7      | 3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở                                         |             | 46.089.237            | 86.920.102            |
| 20.8      | 3.7 Chi phí kiểm toán                                                   |             | 145.200.000           | 145.200.000           |
| 20.10     | 3.8 Chi phí hoạt động khác                                              | 17          | 130.997.785           | 138.329.880           |
| <b>23</b> | <b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                                     |             | <b>45.184.598.673</b> | <b>17.092.277.300</b> |
| <b>24</b> | <b>V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>                              |             | <b>157.457.461</b>    | <b>983.525.176</b>    |
| 24.1      | 5.1 Thu nhập khác                                                       | 18          | 157.457.461           | 983.525.176           |
| <b>30</b> | <b>VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>                            |             | <b>45.342.056.134</b> | <b>18.075.802.476</b> |
| 31        | 6.1 (Lỗ)/Lợi nhuận đã thực hiện                                         |             | (31.678.139.446)      | 23.114.176.887        |
| 32        | 6.2 ợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện                                        | L 5         | 77.020.195.580        | (5.038.374.411)       |
| <b>40</b> | <b>VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>                                           |             | -                     | -                     |
| <b>41</b> | <b>VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b>                            |             | <b>45.342.056.134</b> | <b>18.075.802.476</b> |

Bà Trần Thị Hà Linh  
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ

Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc

Bà Võ Thị Thùy Linh

Bà Nguyễn Băng Tâm



Người lập biểu

Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU HÀNG ĐẦU VCBF**  
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

| Mã số      | CHỈ TIÊU                                                                                  | Thuyết minh | Số cuối năm VNĐ        | Số đầu năm VNĐ         |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|------------------------|------------------------|
| <b>100</b> | <b>I. TÀI SẢN</b>                                                                         |             |                        |                        |
| <b>110</b> | <b>1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>                                          | <b>4</b>    | <b>5.826.356.067</b>   | <b>2.266.885.248</b>   |
| 111        | 1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở                                           |             | 5.826.356.067          | 2.266.885.248          |
| <b>120</b> | <b>2. Các khoản đầu tư thuần</b>                                                          |             | <b>323.902.012.672</b> | <b>347.848.225.400</b> |
| 121        | 2.1 Các khoản đầu tư                                                                      | 5           | 323.902.012.672        | 347.848.225.400        |
| <b>130</b> | <b>3. Các khoản phải thu</b>                                                              |             | <b>149.682.292</b>     | <b>3.161.379.115</b>   |
| 131        | 3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư                                                      |             | -                      | 2.028.210.115          |
| 133        | 3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư                                  |             | 149.682.292            | 1.133.169.000          |
| 136        | 3.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận                                          | 6           | 149.682.292            | 1.133.169.000          |
| <b>100</b> | <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                                                                       |             | <b>329.878.051.031</b> | <b>353.276.489.763</b> |
| <b>300</b> | <b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                                                    |             |                        |                        |
| 313        | 1. Phải trả cho các Đại lý phân phối và Công ty quản lý quỹ về mua, bán Chứng chỉ quỹ     | 7           | 77.288.528             | 93.941.569             |
| 314        | 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                                                    |             | 15.889.164             | 2.887.349              |
| 316        | 3. Chi phí phải trả                                                                       | 8           | 145.200.000            | 72.600.000             |
| 317        | 4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ                                           | 9           | 120.214.400            | 347.608.300            |
| 319        | 5. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở                                                        | 10          | 522.574.165            | 681.297.869            |
| <b>300</b> | <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>                                                                   |             | <b>881.166.257</b>     | <b>1.198.335.087</b>   |
| <b>400</b> | <b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẤM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ</b> |             | <b>328.996.884.774</b> | <b>352.078.154.676</b> |
| 411        | 1. Vốn góp của Nhà đầu tư                                                                 |             | 154.092.139.500        | 192.442.656.200        |
| 412        | 1.1 Vốn góp phát hành                                                                     | 11          | 561.602.153.800        | 545.618.526.900        |
| 413        | 1.2 Vốn góp mua lại                                                                       | 11          | (407.510.014.300)      | (353.175.870.700)      |
| 414        | 2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư                                                        | 11          | 51.171.204.239         | 81.244.013.575         |
| 420        | 3. Lợi nhuận chưa phân phối                                                               | 12          | 123.733.541.035        | 78.391.484.901         |
| <b>430</b> | <b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ</b>                               | <b>11</b>   | <b>21.350,65</b>       | <b>18.295,22</b>       |



## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Mã số | CHỈ TIÊU                                | Thuyết minh | Số cuối năm   | Số đầu năm    |
|-------|-----------------------------------------|-------------|---------------|---------------|
| 004   | 1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành | 11          | 15.409.213,95 | 19.244.265,62 |

Bà Trần Thị Hà Linh  
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ

Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc

Bà Võ Thị Thùy Linh  
Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Cân bằng Chiến lược VCBF**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF ("Quỹ") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 15 đến trang 56, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ*

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Saman Wijaya Bandara  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2036-2018-004-1

Nguyễn Đăng Tùng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4415-2018-004-

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

### BÁO CÁO THU NHẬP QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG CHIẾN LƯỢC VCBF cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                         | Thuyết minh | Năm nay VNĐ           | Năm trước VNĐ         |
|-------|------------------------------------------------------------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| 01    | <b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                   |             | <b>18.118.362.041</b> | <b>16.383.746.921</b> |
| 02    | 1.1 Cổ tức được chia                                             |             | 3.334.417.600         | 5.973.966.200         |
| 03    | 1.2 Tiền lãi được nhận                                           | 14          | 6.772.559.644         | 5.760.942.727         |
| 04    | 1.3 (Lỗ)/lãi bán các khoản đầu tư                                | 15          | (15.891.311.904)      | 14.805.942.780        |
| 05    | 1.4 Chênh lệch giảm đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện | 5           | 23.902.696.701        | (10.157.104.786)      |
| 10    | <b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>                                        |             | <b>152.210.791</b>    | <b>153.302.044</b>    |
| 11    | 2.1 Chi phí giao dịch mua, bán các khoản đầu tư                  | 16          | 152.210.791           | 153.302.044           |
| 20    | <b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>                             |             | <b>3.900.424.481</b>  | <b>5.149.648.987</b>  |
| 20.1  | 3.9 Phí quản lý Quỹ mở                                           | 25.1        | 2.711.457.714         | 3.913.165.480         |
| 20.2  | 3.10 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở                           | 17          | 269.057.093           | 277.004.860           |
| 20.3  | 3.11 Phí dịch vụ giám sát                                        | 25.2        | 237.600.000           | 237.600.000           |
| 20.4  | 3.12 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở                                 | 25.2        | 237.600.000           | 237.600.000           |
| 20.5  | 3.13 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng                            |             | 132.000.000           | 132.000.000           |
| 20.7  | 3.14 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở                                 |             | 36.918.483            | 69.129.756            |
| 20.8  | 3.15 Chi phí kiểm toán                                           |             | 145.200.000           | 145.200.000           |
| 20.10 | 3.16 Chi phí hoạt động khác                                      | 18          | 130.591.191           | 137.948.891           |
| 23    | <b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                              |             | <b>14.065.726.769</b> | <b>11.080.795.890</b> |



|      |                                              |    |                 |                  |
|------|----------------------------------------------|----|-----------------|------------------|
| 24   | <b>V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>   |    |                 |                  |
| 24.1 | 5.2 Thu nhập khác                            | 19 | 129.357.531     | 446.918.317      |
| 30   | <b>VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b> |    | 129.357.531     | 446.918.317      |
| 31   | 6.3 (Lỗ)/lợi nhuận đã thực hiện              |    | 14.195.084.300  | 11.527.714.207   |
| 32   | 6.4 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện            | 5  | (9.707.612.401) | 21.684.818.993   |
| 40   | <b>VII. CHI PHÍ THUẾ TNDN</b>                |    | 23.902.696.701  | (10.157.104.786) |
| 41   | <b>VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN</b> |    | -               | -                |
|      |                                              |    | 14.195.084.300  | 11.527.714.207   |

Bà Trần Thị Hà Linh  
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ

Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc

Bà Võ Thị Thùy Linh  
Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH QUỸ ĐẦU TƯ CÂN BẰNG CHIẾN LƯỢC VCBF**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                 | Thuyết minh | Số cuối năm VNĐ | Số đầu năm VNĐ  |
|-------|----------------------------------------------------------|-------------|-----------------|-----------------|
| 100   | <b>I. TÀI SẢN</b>                                        |             |                 |                 |
| 110   | <b>1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>         | 4           | 21.243.175.890  | 1.538.354.893   |
| 111   | 1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở          |             | 4.702.380.553   | 1.538.354.893   |
| 112   | 1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng                 |             | 16.540.795.337  | -               |
| 120   | <b>2. Các khoản đầu tư thuần</b>                         | 5           | 169.949.434.205 | 197.741.560.077 |
| 121   | 2.1 Các khoản đầu tư                                     |             | 169.949.434.205 | 197.741.560.077 |
| 130   | <b>3. Các khoản phải thu</b>                             |             | 2.885.212.751   | 2.902.803.418   |
| 131   | 3.1 Phải thu về bán các khoản đầu tư                     |             | -               | 1.174.852.900   |
| 133   | 3.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư |             | 2.885.212.751   | 1.727.950.518   |
| 136   | 3.2.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận         | 6           | 2.885.212.751   | 1.727.950.518   |
| 100   | <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                                      |             | 194.077.822.846 | 202.182.718.388 |



|            |                                                                                           |           |                        |                        |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|------------------------|------------------------|
| <b>300</b> | <b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                                                    |           |                        |                        |
| 313        | 1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ                                        | 7         | 39.907.859             | 110.003.019            |
| 314        | 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                                                    |           | 6.380.889              | 1.687.681              |
| 316        | 3. Chi phí phải trả                                                                       | 8         | 145.200.000            | 72.600.000             |
| 317        | 4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ                                           | 9         | 141.004.691            | 759.400.000            |
| 318        | 5. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua lại chứng chỉ quỹ                                       | 10        | 124.494.491            | 124.494.491            |
| 319        | 6. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở                                                        | 11        | 313.458.495            | 359.477.515            |
| <b>300</b> | <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>                                                                   |           | <b>770.446.425</b>     | <b>1.427.662.706</b>   |
| <b>400</b> | <b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẤM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ</b> |           | <b>193.307.376.421</b> | <b>200.755.055.682</b> |
| 411        | 1. Vốn góp của Nhà đầu tư                                                                 |           | 90.567.663.400         | 101.814.389.100        |
| 412        | 1.1 Vốn góp phát hành                                                                     | 12        | 258.919.706.900        | 249.207.476.300        |
| 413        | 1.2 Vốn góp mua lại                                                                       | 12        | (168.352.043.500)      | (147.393.087.200)      |
| 414        | 2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư                                                        | 12        | 1.626.174.040          | 12.022.211.901         |
| 420        | 3. Lợi nhuận chưa phân phối                                                               | 13        | 101.113.538.981        | 86.918.454.681         |
| <b>430</b> | <b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN MỘT CHỨNG CHỈ QUỸ</b>                             | <b>12</b> | <b>21.343,97</b>       | <b>19.717,74</b>       |

#### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Mã số | CHỈ TIÊU                                | Thuyết minh | Số cuối năm  | Số đầu năm    |
|-------|-----------------------------------------|-------------|--------------|---------------|
| 004   | 1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành | 12          | 9.056.766,34 | 10.181.438,91 |

Bà Trần Thị Hà Linh  
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ

Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc

Bà Võ Thị Thùy Linh  
Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2021



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các nhà đầu tư của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ Đầu tư Trái phiếu VCBF (“Quỹ”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 15 đến trang 53, bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính.

### *Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ*

Ban Giám đốc của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Saman Wijaya Bandara  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2018-004-1

Nguyễn Đăng Tùng  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4415-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

### BÁO CÁO THU NHẬP QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VCBF cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

| Mã số     | CHỈ TIÊU                                                                | Thuyết minh | Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ | Cho kỳ kế toán từ ngày 9 tháng 8 năm 2019 đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| <b>01</b> | <b>I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                          |             | <b>5.634.917.159</b>                                     | <b>1.510.656.589</b>                                                        |
| 03        | 1.1 Tiền lãi được nhận                                                  | 13          | 5.703.897.100                                            | 1.630.863.846                                                               |
| 04        | 1.2 Lỗ bán các khoản đầu tư                                             | 14          | (242.345.340)                                            | -                                                                           |
| 05        | 1.3 Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện | 5           | 173.365.399                                              | (120.207.257)                                                               |
| <b>10</b> | <b>II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ</b>                                               |             | <b>2.580.566</b>                                         | <b>3.393.014</b>                                                            |
| 11        | 2.1 Chi phí giao dịch mua các khoản đầu tư                              | 15          | 2.580.566                                                | 3.393.014                                                                   |
| <b>20</b> | <b>III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ MỞ</b>                                    |             | <b>1.429.881.117</b>                                     | <b>511.854.747</b>                                                          |
| 20.1      | 3.1 Phí quản lý Quỹ mở                                                  | 23.1        | 342.749.073                                              | 211.207.958                                                                 |
| 20.2      | 3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ mở                                   | 16          | 211.856.736                                              | 54.369.290                                                                  |
| 20.3      | 3.3 Phí dịch vụ giám sát                                                | 23.2        | 229.900.000                                              | 57.377.419                                                                  |
| 20.4      | 3.4 Phí dịch vụ quản trị Quỹ mở                                         | 23.2        | 217.800.000                                              | -                                                                           |
| 20.5      | 3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng                                    |             | 132.000.000                                              | 47.903.226                                                                  |
| 20.7      | 3.6 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở                                         |             | 19.288.240                                               | -                                                                           |
| 20.8      | 3.7 Chi phí kiểm toán                                                   |             | 145.200.000                                              | 85.800.000                                                                  |

|       |                                                         |    |                      |                    |
|-------|---------------------------------------------------------|----|----------------------|--------------------|
| 20.10 | 3.8 Chi phí hoạt động khác                              | 17 | 131.087.068          | 55.196.854         |
| 23    | <b>IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                     |    | <b>4.202.455.476</b> | <b>995.408.828</b> |
| 24    | <b>V. KẾT QUẢ THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC</b>              |    | -                    | -                  |
| 30    | <b>VI. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ</b>            |    | <b>4.202.455.476</b> | <b>995.408.828</b> |
| 31    | 6.1 Lợi nhuận đã thực hiện                              |    | 4.029.090.077        | 1.115.616.085      |
| 32    | 6.2 ợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện                        | 5  | 173.365.399          | (120.207.257)      |
| 40    | <b>VII. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")</b> |    | -                    | -                  |
| 41    | <b>VIII. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SÀU THUẾ TNDN</b>            |    | <b>4.202.455.476</b> | <b>995.408.828</b> |

Bà Trần Thị Hà Linh  
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ

Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Mai Hoa  
Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH QUỸ ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU VCBF**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

| Mã số | CHỈ TIÊU                                                 | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 12 năm 2020 VNĐ | Ngày 31 tháng 12 năm 2019 VNĐ |
|-------|----------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------|-------------------------------|
| 100   | <b>I. TÀI SẢN</b>                                        |             |                               |                               |
| 110   | <b>1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền</b>         | 4           | <b>7.781.150.217</b>          | <b>6.971.113.637</b>          |
| 111   | 1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở          |             | 4.775.539.258                 | 297.248.886                   |
| 112   | 1.2 Tiền gửi có kỳ hạn dưới ba (3) tháng                 |             | 3.005.610.959                 | 6.673.864.751                 |
| 120   | <b>2. Các khoản đầu tư thuần</b>                         |             | <b>65.067.923.368</b>         | <b>52.193.433.699</b>         |
| 121   | 2.1 Các khoản đầu tư                                     | 5           | 65.067.923.368                | 52.193.433.699                |
| 130   | <b>3. Các khoản phải thu</b>                             |             | <b>3.435.651.007</b>          | <b>1.405.599.192</b>          |
| 133   | 3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư |             | 3.435.651.007                 | 1.405.599.192                 |
| 136   | 3.1.1 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận         | 6           | 3.435.651.007                 | 1.405.599.192                 |



|     |                                                                                           |           |                       |                       |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------|-----------------------|
| 100 | <b>TỔNG TÀI SẢN</b>                                                                       |           | <b>76.284.724.592</b> | <b>60.570.146.528</b> |
| 300 | <b>II. NỢ PHẢI TRẢ</b>                                                                    |           |                       |                       |
| 313 | 1. Phải trả cho các Đại lý phân phối chứng chỉ quỹ                                        | 7         | 8.609.375             | 11.283.405            |
| 314 | 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                                                    |           | 334.942               | 44.512                |
| 316 | 3. Chi phí phải trả                                                                       | 8         | 145.200.000           | 85.800.000            |
| 317 | 4. Phải trả cho Nhà đầu tư về mua chứng chỉ quỹ                                           | 9         | 81.939.777            | 107.000.000           |
| 319 | 5. Phải trả dịch vụ quản lý Quỹ mở                                                        | 10        | 75.182.793            | 80.525.651            |
| 300 | <b>TỔNG NỢ PHẢI TRẢ</b>                                                                   |           | <b>311.266.887</b>    | <b>284.653.568</b>    |
| 400 | <b>III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẤM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ</b> |           | <b>75.973.457.705</b> | <b>60.285.492.960</b> |
| 411 | 1. Vốn góp của Nhà đầu tư                                                                 |           | 70.112.037.000        | 59.283.805.500        |
| 412 | 1.1 Vốn góp phát hành                                                                     | 11        | 74.319.523.100        | 59.739.332.700        |
| 413 | 1.2 Vốn góp mua lại                                                                       | 11        | (4.207.486.100)       | (455.527.200)         |
| 414 | 2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư                                                        | 11        | 663.556.401           | 6.278.632             |
| 420 | 3. Lợi nhuận chưa phân phối                                                               | 12        | 5.197.864.304         | 995.408.828           |
| 430 | <b>IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ MỞ TRÊN 1 CHỨNG CHỈ QUỸ</b>                               | <b>11</b> | <b>10.836,00</b>      | <b>10.168,96</b>      |

#### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

| Mã số | CHỈ TIÊU                                | Thuyết minh | Ngày 31 tháng 12 năm 2020 | Ngày 31 tháng 12 năm 2019 |
|-------|-----------------------------------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| 004   | 1. Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành | 11          | 7.011.203,70              | 5.928.380,55              |

Bà Trần Thị Hà Linh  
Trưởng phòng - Khối điều hành và dịch vụ

Ông Vũ Quang Đông  
Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Mai Hoa  
Người lập biểu

Bà Nguyễn Băng Tâm  
Kế toán Trưởng

Hà Nội, Việt Nam  
Ngày 30 tháng 3 năm 2021

#### 5 Cập nhật tình hình hoạt động của các Quỹ từ ngày 1 tháng 1 đến 31 tháng 3 năm 2021

Công ty Quản lý Quỹ sẽ cung cấp chi tiết về tình hình phát triển trong Quý 1 năm 2021 của các Quỹ tại ĐHNĐT.

Kế hoạch của quỹ trong năm 2021 là tiếp tục theo đuổi các mục tiêu đầu tư của quỹ được nêu trong Điều lệ Quỹ, cụ thể là:

- Với quỹ VCBF-BCF, là đem lại tổng lợi nhuận trong trung - dài hạn bằng cách đầu tư vào danh mục cổ phiếu đa dạng được niêm yết trên HSX và HNX có vốn hóa thị trường lớn và tính thanh khoản cao;
- Với quỹ VCBF-FIF, là thực hiện chiến lược đầu tư đơn giản, có kỷ luật nhằm tìm kiếm thu nhập bằng cách đầu tư vào danh mục đa dạng các tài sản cố định có giá trị cao, chủ yếu là trái phiếu Chính phủ Việt Nam, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu danh nghiệp có chất lượng cao.
- Với quỹ VCBF-TBF, là đem lại tổng lợi nhuận trong dài hạn thông qua tăng trưởng vốn và thu nhập bằng cách đầu tư vào danh mục cổ phiếu và tài sản cố định có giá trị cao. Sẽ không có kế hoạch chia lợi nhuận của quỹ thông qua cổ tức tới nhà đầu tư, thay vì đó sẽ được tái đầu tư.

\* \* \* \* \*

Với tính ngoại trừ của nghị quyết ở mục 4, tài liệu này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và không khuyến khích hành động cụ thể nào của ĐHNĐT, trừ khi nhận được quyết định khác.



### III. BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

#### 1) VCBF-BCF

##### BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cổ Phiếu Hàng Đầu VCBF (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, hạn mức đầu tư của Quỹ đã phát sinh sai lệch so với các quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, cụ thể như sau:

Theo Mục b, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15/2016/TT-BTC (“Thông tư 15”) ngày 20 tháng 01 năm 2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC (“Thông tư 183”) ngày 16 tháng 12 năm 2011 và Điều 10, Điều lệ Quỹ quy định cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ mở phải đảm bảo: “Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật về ngân hàng; ngoại tệ, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật liên quan; cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu, trái phiếu chuẩn bị niêm yết, chuẩn bị đăng ký giao dịch phát hành bởi các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; trái phiếu doanh nghiệp phát hành bởi tổ chức niêm yết có bảo lãnh thanh toán của tổ chức tín dụng hoặc cam kết mua lại của tổ chức phát hành; chứng khoán phái sinh niêm yết, giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro; được phát hành bởi một công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau.” Trường hợp phát sinh sai lệch, Công ty Quản lý Quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư để đáp ứng quy định pháp luật trong thời gian cho phép.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, tỷ lệ đầu tư của Quỹ vào các tài sản được phát hành bởi nhóm các tổ chức mà Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chiếm hơn 50% vốn điều lệ (bao gồm tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam) là 30,018% trên tổng giá trị tài sản của Quỹ - vượt 0,018% so với hạn mức đầu tư nêu trên. Công ty Quản lý Quỹ phải

điều chỉnh danh mục đầu tư để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật chậm nhất vào ngày 16 tháng 07 năm 2020 cho kỳ phát sinh sai lệch ở trên.

Tại kỳ định giá ngày 08 tháng 07 năm 2020, Công ty Quản lý Quỹ đã điều chỉnh danh mục đầu tư của Quỹ để đáp ứng hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật hiện hành.

Từ kỳ định giá ngày 08 tháng 07 năm 2020 đến tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, danh mục đầu tư của Quỹ đã tuân thủ quy định tại Mục b, Khoản 10, Điều 1, Thông tư 15 và Điều 10, Điều lệ Quỹ.

- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**

**Vũ Hương Giang**

**Phó Phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng  
khoán**

**Trương Thị Hoàng Yến**

**Nhân viên Bộ phận Giám sát**



## 2) VCBF-TBF

### BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Cân Bằng Chiến Lược VCBF (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**

**Vũ Hương Giang**

**Phó phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng  
khoán**

**Trương Thị Hoàng Yến**

**Nhân viên Bộ phận Giám sát**

3) VCBF-FIF

## BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu VCBF (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Phát hành và mua lại Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

**ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

**NHÂN VIÊN GIÁM SÁT**

**Vũ Hương Giang**

**Trương Thị Hoàng Yến**

**Phó Phòng Nghiệp vụ Dịch vụ Chứng khoán**

**Nhân viên bộ phận Giám sát**



#### **IV. BÁO CÁO CỦA BAN ĐẠI DIỆN QUỸ NĂM 2020**

##### **1) VCBF-BCF**

Ban Đại diện Quỹ đầu tư cổ phiếu hàng đầu VCBF (“Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở nhằm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả thu nhập và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trọng quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:

Ông Mạc Quang Huy

Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam, Ngày tháng 3 năm 2021

## 2) VCBF-TBF

Ban Đại diện Quỹ Đầu tư cân bằng chiến lược VCBF (“Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở nhằm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả thu nhập và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý



tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:

---

Ông Mạc Quang Huy

Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam, Ngày tháng 3 năm 2021

### 3) VCBF-FIF

Ban Đại diện Quỹ đầu tư trái phiếu VCBF (“Quỹ”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Vietcombank (“Công ty Quản lý Quỹ”) chịu trách nhiệm đối với báo cáo tài chính được lập và trình bày theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở nhằm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả thu nhập và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ được yêu cầu phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

## **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo đó, chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, trên cơ sở cam kết của Ban Giám đốc Công ty Quản lý Quỹ. Các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ mở và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính của quỹ mở.

Thay mặt Ban Đại diện Quỹ:

---

Ông Mạc Quang Huy

Chủ tịch

Hà Nội, Việt Nam, Ngày      tháng 3 năm 2021



## VI. THAY ĐỔI NỘI DUNG CỦA ĐIỀU LỆ QUỸ

Căn cứ Điều 62 của Điều lệ Quỹ VCBF-BCF, VCBF-TBF và VCBF-FIF, ĐHNĐT được đề nghị xem xét và thông qua một số thay đổi của Điều lệ Quỹ VCBF-BCF và VCBF-TBF như được liệt kê dưới đây. (Lưu ý: những thay đổi được quy định bởi Điều lệ Quỹ tiếng Việt, bản tiếng Anh chỉ nhằm mục đích tham khảo).

\* \* \* \* \*

Tùy theo sự xem xét, ĐHNĐT của từng Quỹ được đề nghị thông qua nghị quyết sửa đổi Điều Lệ Quỹ đối với từng quỹ VCBF-BCF, VCBF-TBF, VCBF-FIF riêng biệt như dưới đây:

A: Đối với nhà đầu tư của VCBF-BCF:

**RẰNG** việc thay đổi điều lệ Quỹ của Quỹ VCBF-BCF như trình bày ở Phụ lục A được thông qua.

B: Đối với nhà đầu tư của VCBF-TBF:

**RẰNG** việc thay đổi điều lệ Quỹ của Quỹ VCBF-TBF như trình bày ở Phụ lục B được thông qua.

C: Đối với nhà đầu tư của VCBF-FIF:

**RẰNG** việc thay đổi điều lệ Quỹ của Quỹ VCBF-FIF ở như trình bày ở Phụ lục C được thông qua.

## V. ỦY QUYỀN CỦA ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ CHO BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Những vấn đề được ĐHNĐT ủy quyền cho BDDQ đã được thông qua tại ĐHNĐT ngày 15 tháng 4 năm 2020. Căn cứ Điều 21 (3) của Điều lệ Quỹ (căn cứ trên Điều 19 (2) (e) của Thông tư 98), nếu tiếp tục phát sinh những vấn đề được ủy quyền như vậy thì phải được thông qua tại ĐHNĐT tiếp theo.

Việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ được thông qua tại ĐHNĐT gần nhất bao gồm về các vấn đề, cụ thể như sau:

- Các thay đổi cơ bản trong chính sách đầu tư, mục tiêu đầu tư của quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
- Chia, tách, sáp nhập quỹ, hợp nhất quỹ, giải thể Quỹ; thay đổi thời gian hoạt động của Quỹ;
- Quyết định phương án phân phối lợi tức;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ;
- Xem xét và xử lý vi phạm của Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;

- Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư.

Ban Đại Diện Quỹ phải tiến hành thông báo các quyết định dưới sự ủy quyền của ĐHNĐT theo quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật đến Nhà Đầu Tư và UBCKNN. Xin lưu ý rằng những quyết định này cũng được đề xuất tại ĐHNĐT của quỹ VCBF-BCF, quỹ VCBF-TBF và quỹ VCBF-FIF.

Sau khi xem xét, ĐHNĐT được đề nghị thông qua nghị quyết đối với từng quỹ riêng biệt dưới đây:

A: Đối với nhà đầu tư của VCBF-BCF:

**RẰNG** quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư nêu tại điểm b), c), d), e), f) và g) khoản (2) Điều 22 của Điều lệ Quỹ của quỹ VCBF-BCF, sẽ được trao cho Ban Đại Diện Quỹ. Nghị quyết này sẽ có hiệu lực cho đến khi ĐHNĐT có nghị quyết khác.

B: Đối với nhà đầu tư của VCBF-TBF:

**RẰNG** quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư nêu tại điểm b), c), d), e), f) và g) khoản (2) Điều 22 của Điều lệ Quỹ của quỹ VCBF-TBF, sẽ được trao cho Ban Đại Diện Quỹ. Nghị quyết này sẽ có hiệu lực cho đến khi ĐHNĐT có nghị quyết khác.

C: Đối với nhà đầu tư của VCBF-FIF:

**RẰNG** quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư nêu tại điểm b), c), d), e), f) và g) khoản (2) Điều 22 của Điều lệ Quỹ của quỹ VCBF-FIF, sẽ được trao cho Ban Đại Diện Quỹ. Nghị quyết này sẽ có hiệu lực cho đến khi ĐHNĐT có nghị quyết khác.

## VII. NHÀ ĐẦU TƯ ĐẶT CÂU HỎI VÀ NHẬN CÂU TRẢ LỜI

Các cổ đông tham gia ĐHNĐTTN được mời tham dự phần đặt câu hỏi và trả lời với các lãnh đạo của Quỹ. Thời gian phần đặt câu hỏi và trả lời sẽ phụ thuộc vào số lượng câu hỏi được đặt từ phía nhà đầu tư.



## VIII. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT CỦA ĐHNĐT

Sau khi được nghe thư ký của ĐHNĐT trình bày, ĐHNĐT được đề nghị thông qua Biên bản và nghị quyết của ĐHNĐT về việc thông qua các báo cáo tài chính đã được kiểm toán nằm ở mục II.3, Ủy quyền của Ban Đại Diện Quỹ và các sửa đổi Điều lệ Quỹ nằm ở khoản V – VI (“Nghị Quyết của ĐHNĐTTN”), bằng việc thông qua những nghị quyết sau:

A: Dành cho nhà đầu tư của quỹ VCBF-BCF:

**RẰNG** thông qua Biên bản của ĐHNĐT và Nghị quyết của ĐHNĐT đối với quỹ VCBF-BCF; và

**RẰNG** thông qua việc Chủ tịch và Ban Thư ký ký vào Biên bản của ĐHNĐT và Nghị quyết của ĐHNĐT đối với quỹ VCBF-BCF.

B: Dành cho nhà đầu tư của quỹ VCBF-TBF:

**RẰNG** thông qua Biên bản của ĐHNĐT và Nghị quyết của ĐHNĐT đối với quỹ VCBF-TBF; và

**RẰNG** thông qua việc Chủ tịch và Ban Thư ký ký vào Biên bản của ĐHNĐT và Nghị quyết của ĐHNĐT đối với quỹ VCBF-TBF.

C: Dành cho nhà đầu tư của quỹ VCBF-FIF:

**RẰNG** thông qua Biên bản của ĐHNĐT và Nghị quyết của ĐHNĐT đối với quỹ VCBF-FIF; và

**RẰNG** thông qua việc Chủ tịch và Ban Thư ký ký vào Biên bản của ĐHNĐT và Nghị quyết của ĐHNĐT đối với quỹ VCBF-FIF.